

Nội dung Quảng cáo

Nội dung chương trình dạy kế toán thực hành của Tadiethu

STT	Tên khóa học	Nội dung	Học Phí	Kết quả
01	Học Kế toán online – Tổng hợp các loại hình kế toán (TM, DV, DL)	Bộ chứng từ 1 tháng	Miễn phí	Thành thạo các công đoạn kế toán .Tổng hợp chứng từ, định khoản, lên báo cáo tài chính Thành thạo phần mềm kế toán cho loại hình doanh nghiệp, thông thạo kê khai thuế
02	Các vị trí kế toán thuộc kê thống kê toán (từ kế toán quản trị)	Bộ chứng từ 1 tháng	100.000 Đồng	
03	Kế toán doanh nghiệp Thương mại	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
04	Kế toán doanh nghiệp dịch vụ	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
05	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
06	Tổng hợp cả ba loại hình trên	Bộ chứng từ 3 tháng	500.000 Đồng	

1.2 Nội dung khóa học

Lập chứng từ và quản lý chứng từ:

- Lập chứng từ kế toán
- Phân loại chứng từ kế toán
- Lưu chứng từ kế toán
- Thực hiện các nghiệp vụ phiếu kế toán cuối kỳ
- Các nghiệp vụ hành chính bắt buộc ví dụ : Bảo hiểm, văn thư ..

Thực hành ghi sổ kế toán:

Sổ tổng hợp:

- Sổ nhật ký (Nhật ký chung)
- Sổ cái (các tài khoản)

Sổ chi tiết:

- Sổ quỹ tiền mặt tiền gửi (111; 112)
- Sổ chi tiết công nợ và tổng hợp công nợ (TK131;331...)
- Sổ chi tiết hàng tồn kho, tổng hợp N - X – T(TK152;156)
- Sổ chi tiết doanh thu bán hàng, tổng hợp doanh thu bán hàng (TK 511...).
- Bảng tập hợp chi phí và tính giá thành (TK154;621;622;627)
- Bảng theo dõi phân bổ công cụ dụng cụ (TK 153; 242...)

- Bảng theo dõi khấu hao tài sản cố định (TK 211;214...)

Lên Bảng cân đối phát sinh

- Từ số liệu của sổ chi tiết tổng hợp và lên bảng cân đối phát sinh

Lên Báo Cáo Tài Chính

- Lên bảng lưu chuyển tiền tệ
- Bảng cân đối kế toán
- Thuyết minh tài chính

Liên hệ số 0936838448

hoặc mail dtadiepthu@gmail.com

LỜI NẪI ĐẦU

Đất nước ta đang trong quá trình hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong điều kiện đó, các doanh nghiệp của Việt Nam càng phải nỗ lực hơn nữa trong cuộc chiến tìm kiếm thị trường cho mình. Các doanh nghiệp cần phải nắm vững những cơ hội tài chính của doanh nghiệp mình như thế nào để đưa ra phương hướng phát triển thích hợp nhất.

Để có thể nắm bắt những cơ hội tài chính của doanh nghiệp thì kế toán Cộng ty là cộng cụ đặc biệt nhất trong cộng tác tổ chức quản lý. Kế toán giữ vai trò quan trọng có thể cho các nhà quản lý biết được các thông tin về chi phí đầu vào của quá trình sản xuất cũng như kết quả đầu ra. Trong các thông tin về chi phí Nguyên vật liệu (NVL), Cộng cụ dụng cụ (CCDC) là thông tin quan trọng không thể thiếu được. Muốn có thông tin về chi phí NVL đầy đủ và chính xác thì quá trình hạch toán kế toán phải hoàn thiện để có thể tổng hợp thông tin cung cấp cho nhà quản lý.

Cộng tác quản lý và hạch toán NVL là cần thiết trong một doanh nghiệp. Có tổ chức tốt cộng tác kế toán thì mới giúp cho quá trình quản lý NVL được tốt hơn. NVL được quản lý tốt, xây dựng được các định mức về

cung cấp, dự trữ và sử dụng NVL một cách hợp lý nhất, giúp phần tiết kiệm vật tư tránh lãng phí, mất mát, giúp phần giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Bông kẹo Hải Châu cùng với sự giúp đỡ của các cô, chú tại phòng Tài vụ của Công ty, và Th.S Nguyễn Thị Hồng Thúy em mạnh dạn chọn đề tài "***Hoàn thiện hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Bông kẹo Hải Châu***".

Ngoài phần mở bài và kết luận, chuyên đề thực tập của em gồm 2 chương

Chương I: Thực trạng hạch toán NVL tại Công ty Cổ phần Bông kẹo Hải Châu.

Chương II: Hoàn thiện hạch toán NVL tại Công ty Cổ phần Bông kẹo Hải Châu.

Do trình độ hiểu biết có hạn nên chuyên đề của em không tránh khỏi thiếu sót, em mong sự chỉ bảo của thầy cô trong khoa, đặc biệt là Th.S Nguyễn Thị Hồng Thúy cùng toàn thể các cô, chú tại Phòng tài vụ Công ty Cổ phần Bông kẹo Hải Châu.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

LÍ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CẾNG TÁC KẾ TOÁN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA CẾNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu

Vật liệu là đối tượng lao động, là một trong 3 yếu tố của quá trình sản xuất và là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể và sản phẩm. Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vật liệu bị tiêu hao toàn bộ và không giữ nguyên hình thái vật liệu ban đầu, chuyển toàn bộ giá trị một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Trong các doanh nghiệp sản xuất, vật liệu là loại tài sản lưu động thuộc nhóm tài sản dự trữ. Nó là cơ sở vật chất hình thành nên sản phẩm, vật liệu rất phong phú về chủng loại, phức tạp về kỹ thuật, về đặc tính lý hóa, nó tồn tại dưới nhiều trạng thái khác nhau. Bởi vậy, việc cung cấp vật liệu kịp thời hay không, số lượng chủng loại có phù hợp không có ảnh hưởng trực tiếp đến tiến hành thực hiện kế hoạch sản phẩm của doanh nghiệp chất lượng của sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của vật liệu.

Trong doanh nghiệp sản xuất bình thường, chi phí vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số tài sản lưu động, trong tổng số chi phí tạo ra sản phẩm. Xét về hiện vật thì vật liệu chỉ tham gia một lần vào chu kỳ sản xuất không giữ nguyên hình thái ban đầu: xét về vốn, vật liệu là thành phần quan trọng trong tổng số vốn lưu động của doanh nghiệp. Do vậy, để tăng tốc độ luân chuyển về vốn lưu động, cần phải quản lý, sử dụng vật liệu hợp lý và tiết kiệm.

2. Tầm quan trọng của nguyên vật liệu và cùng tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

* Tầm quan trọng của nguyên vật liệu

Đúng vai trò là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu là thành phần chính để cấu tạo nên sản phẩm. Nguyên vật liệu được nhận diện dễ dàng trong sản phẩm với nú tượng trưng cho đặc tính dễ thấy lớn nhất của cỏi gổ đó được sản xuất. Do vậy muốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của cỏi doanh nghiệp tiến hành được đều đặn, liên tục phải thường xuyên đảm bảo cho nú cỏi loại nguyên vật liệu phải đủ về số liệu, kịp thời gian, đúng về quy cỏi, phẩm chất. Đây là một vấn đề bắt buộc mà nếu thiếu thờ khụng thể cú quá trình sản xuất sản phẩm được.

Doanh nghiệp sản xuất cần phải cú nguyên vật liệu, năng lượng mới tồn tại được. Với vậy đảm bảo nguyên vật liệu, năng lượng cho sản xuất là một tất yếu khỏch quan, một điều kiện chung của mọi nền sản xuất xó hội. Tuy nhiên sẽ là một thiếu sót nếu chỉ nhắc tới nguyên vật liệu mà khụng nhắc tới tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu. Nguyên nhân cú thể tóm tắt như sau:

- + Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong một đơn vị sản phẩm so với cỏi khoản mục chi phí sản xuất khỏc (lao động trực tiếp và sản xuất chung).

- + Số liệu chính xác về nguyên vật liệu cú trong tay phải thường xuyên phản ónh để xác định khi nào cần mua cần đặt trực tiếp với khụng sẽ làm gián đoạn sản xuất.

- + Một số sản phẩm cần nhiều loại nguyên vật liệu để sản xuất. Điều này đòi hỏi rất nhiều chứng từ gốc và cỏi thủ tục kiểm tra để đảm bảo việc cung cấp nhàng và đồng bộ cỏi loại nguyên vật liệu sản xuất.

Tất cả cỏi lý do này đòi hỏi sổ sách phải được lập một cỏi chính xác với nếu khụng cỏi ty sẽ rất khú mà xác định số nguyên vật liệu cần mua và lỳc nào mua. Sổ sách chính xác và kiểm tra nội bộ tốt cũng đảm bảo tất cả cỏi nguyên vật liệu được cung cấp đầy đủ và đúng cho phõn xưởng sản xuất khi cần thiết.

3. Củng cố kế toán nguyên vật liệu cho doanh nghiệp sản xuất

Việc quản lý chặt chẽ vật liệu ở tất cả các khâu như thu mua, bảo quản dự trữ... có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Xét về mặt tài chính, vật liệu là thành phần vốn lưu động nằm đọng ở các khâu sản xuất đòi hỏi doanh nghiệp phải có biện pháp thu mua, bảo quản dự trữ, sử dụng vật liệu một cách có khoa học để tránh ảnh hưởng đến tốc độ chu chuyển vốn, gây thiệt hại cho sản xuất. Để tổ chức cùng các quản lý vật liệu, đòi hỏi các doanh nghiệp phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

Phải có kế hoạch mức dự trữ tối đa, tối thiểu các loại vật liệu cho sản xuất lập được các định mức tiêu hao trong khâu sử dụng cũng như trong các khâu thu mua, vận chuyển dự trữ và bảo quản.

- Hệ thống kho tàng phải đầy đủ, phải được trang bị các phương tiện bảo quản, cân đo đếm cần thiết để hạn chế việc hao hụt, mất mát vật liệu.
- Trong kho vật liệu phải được sắp xếp trật tự, gọn gàng có khoa học để thuận tiện cho việc nhập xuất và theo dõi tồn kho được dễ dàng.
- Phải quy định chế độ trách nhiệm vật chất cho việc quản lý vật liệu trong toàn doanh nghiệp.

4. Yêu cầu và nhiệm vụ của cùng các tổ chức kế toán vật liệu

Kế toán nội chung và kế toán vật liệu nội riêng là cùng các đặc lực để quản lý vật liệu. Kế toán vật liệu cung cấp kịp thời, chính xác về tình hình mua bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu có tác dụng cho việc tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm, kế toán vật liệu có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và tình hình quản lý của doanh nghiệp. Vì thế đòi hỏi không ngừng tăng cường cùng các quản lý của doanh nghiệp. Vì thế phải đòi hỏi không ngừng tăng cường cùng các quản lý vật liệu, phải luôn luôn cải tiến hoàn thiện cùng các kế toán vật liệu. Như vậy, cùng các kế toán vật liệu là rất quan trọng và cần thiết, là yếu tố tất yếu đối với cùng các quản lý quá trình sản xuất kinh doanh của bất cứ một doanh nghiệp nào.

Căn cứ vào đặc điểm và yêu cầu của quản lý vật liệu trong công doanh nghiệp cùng các vật liệu có các đặc điểm sau:

Tổ chức chứng từ tài khoản, các loại sổ sách để ghi chép cho phù hợp với phương thức kế toán hàng tồn kho áp dụng tại doanh nghiệp. Phân loại tổng hợp số liệu về tồn kho tăng, giảm hiện có vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, để có số hiệu tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm kịp thời.

Phân tích dòng giá tồn kho thực hiện kế hoạch thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

II. PHÂN LOẠI VÀ TÍNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

1. Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu là xác định giá trị ghi sổ kế toán của nguyên vật liệu. Theo qui định chung của chuẩn mực quốc tế, kế toán nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu phải phản ánh theo đúng giá trị thực tế. Đây chính là chi phí thực tế doanh nghiệp bỏ ra để có được nguyên vật liệu. Tuy nhiên trong thực tế để đơn giản, và giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán tồn kho nhập xuất nguyên vật liệu nhưng cuối tháng phải được tổng hợp và ghi sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo giá thực tế.

Giá thực tế của nguyên vật liệu là loại giá được hình thành trên cơ sở các chứng từ hợp lệ chứng minh các khoản chi hợp pháp của doanh nghiệp để tạo ra nguyên vật liệu. Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập.

1.1. Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho

Trong doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau, giá thực tế nguyên vật liệu trong công trường hợp được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:

Giỏ vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là giỏ mua tròn hoả đơn (bao gồm cở khoản thuế nhập khẩu, thuế khỏ (nếu cú) cộng (+) với cở chi phớ thu mua thực tế như chi phớ vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phõn loại, bảo hiểm, chi phớ thuê kho, thuê bó, tiền phạt, tiền bồi thường... trừ (-) đi cở khoản giảm giỏ (nếu cú).

Trong đú giỏ mua tròn hoả đơn được xỏ định như sau:

+ Đỏi với cơ sở kinh doanh thuộc đỏi tượng nộp thuế GTGT theo phương phỏp khấu trừ thờ giỏ trị nguyên vật liệu mua vào là giỏ mua thực tế khụng cú GTGT đầu vào.

+ Đỏi với cơ sở kinh doanh thuộc đỏi tượng nộp thuế GTGT theo phương phỏp trực tiếp và cơ sở kinh doanh khụng thuộc đỏi tượng chịu thuế GTGT thờ giỏ trị nguyên vật liệu mua ngoài là tổng giỏ thanh toán phải trả người bán (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào nếu cú).

Chi phớ thu mua cũng được xỏ định tròn cơ sở phương phỏp tónh thuế GTGT mà doanh nghiệp lựa chọn.

+ Đỏi với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia cụng chế biến: Giỏ vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là giỏ thực tế của nguyên vật liệu xuất gia cụng chế biến (+) với cở chi phớ gia cụng chế biến.

+ Đỏi với nguyên vật liệu thuê ngoài gia cụng chế biến: Giỏ vốn thực tế của nguyên vật liệu là giỏ thực tế của nguyên vật liệu xuất thuê ngoài gia cụng chế biến (+) với cở chi phớ vận chuyển, bốc dỡ đến nơi nhận thuê gia cụng và từ nơi đú về doanh nghiệp cộng (+) với chi phớ phaitrar cho người nhận gia cụng chế biến. Rìong chi phớ phải trả cho người nhận gia cụng chế biến tónh vào trị giỏ vốn thực tế nguyên vật liệu gia cụng chế biến được xỏ định như sau:

+ Nguyên vật liệu gia cụng chế biến thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương phỏp khấu trừ thuế thì chi phớ gia cụng phải trả khụng bao gồm thuế GTGT đầu vào.

+ Nguyên vật liệu gia công chế biến thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì chi phí gia công phải trả là tổng số tiền phải thanh toán cho bên nhận gia công chế biến (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào).

- Đối với nguyên vật liệu nhận từ đơn vị khác góp vốn liên doanh, góp cổ phần: giá thực tế là giá do các bên tham gia góp vốn đồng ý.

1.2. Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho

Do nguyên vật liệu nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, giá thực tế nhập kho cũng khác nhau, vì vậy khi xuất kho phải tính toán và xác định được giá thực tế xuất kho cho các nhu cầu và đối tượng sử dụng khác nhau. Để tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho, tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp, dựa vào yêu cầu quản lý và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán có thể sử dụng một số phương pháp sau nhưng phải đảm bảo nguyên tắc nhất quán trong kế toán (áp dụng liên tục trong các kỳ kế toán), nếu có thay đổi phải giải thích rõ ràng.

- Tính theo giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này trước hết phải theo dõi, quản lý được số lượng và đơn giá của từng loại hàng. Khi xuất kho nguyên vật liệu thuộc loại hàng nào thì căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá thực tế nhập kho của loại hàng đó để tính ra giá thực tế xuất kho (nhập giá nào thì xuất giá đó).

Ưu điểm: Đảm bảo tính chính xác, hợp lý cao, theo dõi được thời hạn bảo quản vật tư.

Nhược điểm: Đối với các loại hàng bảo quản vật tư phải được tiến hành tỉ mỉ (khụng được để lẫn từng loại hàng).

Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp có yêu cầu cao về theo dõi thời hạn bảo quản vật tư, có ít chủng loại vật tư, vật tư ổn định và nhận diện được. Trong thực tế có rất ít doanh nghiệp áp dụng phương pháp này.

- Theo phương pháp thực tế nhập trước xuất trước

Theo phương pháp này trước tiên ta phải xác định được đơn giá thực tế của từng lần nhập kho và giả thiết hàng nào nhập kho trước thì xuất trước và

hàng tồn kho cũn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Sau đó căn cứ vào số lượng xuất kho để tính ra giỏ thực tế xuất kho theo nguyên tắc: hàng xuất kho trước được tính theo đơn giỏ thực tế nhập của hàng thuộc lần nhập trước, số hàng cũn lại của lần nhập trước (nếu có) được tính theo đơn giỏ thực tế lần nhập tiếp theo. Theo phương pháp này thì giỏ trị hàng xuất kho được tính của lự hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giỏ trị của hàng tồn kho được tính theo giỏ của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ cũn tồn kho.

Ưu điểm: Đảm bảo tính chính xác, hợp lý cao, được tiến hành thường xuyên.

Nhược điểm: Phương pháp này đòi hỏi phải tính theo từng danh điểm nòn tốn nhiều cụng sức.

Phương pháp này phự hợp với cở doanh nghiệp cũ ớt danh điểm vật tư, số lần nhập xuất ớt.

- Tính theo giỏ thực tế nhập sau xuất trước

Theo phương pháp này, trước tiên ta cũng phải xác định được đơn giỏ của từng lần nhập kho, giả thiết hàng nào nhập sau thì xuất trước và hàng tồn kho cũn lại là cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Sau đó căn cứ vào số lượng xuất kho tính theo đơn giỏ thực tế của lần nhập cuối cụng, số cũn lại được tính theo đơn giỏ thực tế của cở lần nhập trước đó. Thương phương pháp này thì giỏ trị hàng xuất kho được tính theo giỏ của lự hàng nhập sau hoặc gần sau cụng, giỏ trị của hàng tồn kho được tính theo giỏ của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ cũn tồn kho.

Ưu điểm: Đảm bảo tính chính xác, hợp lý cao, được tiến hành thường xuyên.

Nhược điểm: Phải tính theo từng danh điểm vật tư nòn tốn nhiều cụng sức. Phương pháp này thóch hợp với cở doanh nghiệp cũn ớt danh điểm vật tư, số lần nhập xuất ớt.

- Tính theo giỏ thực tế bình quĩn gia quyền

Theo phương pháp này thờ giở thực tế nguyên vật liệu xuất kho được căn cứ vào số lượng xuất kho trong kỳ và đơn giở bởnh quỏn, cỏch tớnh như sau:

$$\text{Giỏ thực tế bởnh quỏn gia quyền} = \frac{\text{Giỏ thực tế NVL tồn kho đầu thờng} \pm \text{Giỏ thực tế NVL nhập kho trong thờng}}{\text{Số lượng NVL tồn kho đầu thờng} \pm \text{Số lượng NVL nhập kho trong thờng}}$$

$$\text{Giỏ thực tế NVL, CCDC xuất dựng trong thờng} = \frac{\text{Số lượng NVL xuất dựng trong thờng}}{\text{Giỏ thực tế bởnh quỏn gia quyền}}$$

Ưu điểm: Phương pháp này cú độ chỏnh xỏc cao và hợp lý

Nhược điểm: Phương pháp này phải tớnh ở cuối kỳ, điều này sẽ ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện cỏc khâu trong cụng tỏc kế toỏn.

Phương pháp này phụ hợp với cỏc doanh nghiệp cú ỏt danh điểm vật tư
- *Tớnh theo giỏ bởnh quỏn cuối kỳ trước*

Theo phương pháp này thờ giở thực tế nguyên vật liệu xuất dựng được tớnh trỏn cơ sở số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giở thực tế bởnh quỏn cuối kỳ trước. Cụng thức tớnh như sau:

$$\text{Giỏ thực tế NVL xuất sử dụng trong kỳ} = \frac{\text{Số lượng NVL xuất sử dụng trong kỳ}}{\text{Giỏ thực tế bởnh quỏn cuối kỳ trước của NVL đủ}}$$

Ưu điểm: đơn giản, dễ làm.

Nhược điểm: Độ chỏnh xỏc khụng cao, dễ gỏy bất hợp lý.

Phương pháp này thỏch hợp trong trường hợp giỏ vật tư phải tương đối ỏn định.

- *Tớnh theo phương pháp hệ số giỏ*

Theo phương pháp này, toàn bộ nguyên vật liệu biến động trong kỳ được tính theo giỏ hạch toán (giỏ kế hoạch hoặc một loại giỏ ổn định trong kỳ). Cuối kỳ kế toán sẽ tiến hành điều chỉnh từ giỏ hạch toán sang giỏ thực tế theo công thức:

$$\frac{\text{Giỏ thực tế NVL xuất dụng trong tháng}}{\text{Giỏ hạch toán NVL xuất dụng trong tháng}} = \text{Hệ số giỏ}$$

Trong đó:

$$\begin{aligned} \frac{\text{Giỏ hạch toán NVL xuất (nhập) trong tháng}}{\text{Số lượng NVL xuất (nhập) trong tháng}} &= \frac{\text{Đơn giỏ hạch toán}}{\text{Giỏ thực tế NVL tồn kho đầu tháng}} + \frac{\text{Giỏ thực tế NVL nhập kho trong tháng}}{\text{Giỏ hạch toán NVL nhập kho trong tháng}} \\ \text{Hệ số giỏ} &= \frac{\text{Giỏ thực tế NVL tồn kho đầu tháng}}{\text{Giỏ hạch toán NVL tồn kho đầu tháng}} + \frac{\text{Giỏ thực tế NVL nhập kho trong tháng}}{\text{Giỏ hạch toán NVL nhập kho trong tháng}} \end{aligned}$$

Ưu điểm: Khối lượng công việc tính toán ít, kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp trong cùng tổ chức tính giỏ.

Nhược điểm: Đòi hỏi nhân viên kế toán phải có trình độ cao.

Phương pháp này được dụng chủ yếu trong các doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư.

2. Phân loại nguyên vật liệu

Trong doanh nghiệp xây lắp, nguyên vật liệu bao gồm nhiều thứ, nhiều loại khác nhau với nội dung kinh tế, vai trò, công dụng, tính chất lý hóa khác nhau trong quá trình sản xuất. Quản lý chặt chẽ và hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu quản lý của doanh nghiệp cần thiết phải phân loại nguyên vật liệu.

Phân loại nguyên vật liệu là sắp xếp các nguyên vật liệu cùng với nhau theo một đặc trưng nhất định nào đó để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán. Có nhiều cách phân loại vật liệu khác nhau.

2.1. Theo công dụng của nguyên vật liệu

Cách phân loại này dựa vào vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình xây lắp để sắp xếp nguyên vật liệu theo những nhóm nhất định. Theo đặc trưng này, nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm như: xi măng, gạch, gỗ, sắt, thép...

- Nguyên vật liệu phụ: Nguyên vật liệu phụ chỉ có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm như làm tăng chất lượng sản phẩm, hoặc phục vụ cho công tác quản lý, phục vụ sản xuất như các loại phụ gia, sơn, giẻ lau, xà phòng...

- Nhiên liệu: là các loại nhiên liệu ở thể lỏng, khí, rắn dùng để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm, cho các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị thi công như xăng, dầu, than củi, hơi đốt...

- Phụ tùng thay thế: bao gồm các loại phụ tùng chi tiết dùng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải...

- Thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm các loại thiết bị, phương tiện được sử dụng cho công tác xây dựng cơ bản.

- Phế liệu thu hồi: là những loại vật liệu thu hồi từ quá trình sản xuất kinh doanh để tái sử dụng hoặc bỏ ra ngoài. Ngoài các vật liệu ở trên, những vật liệu còn lại được xếp vào nhóm này.

Việc phân loại như trên có ưu điểm là giúp người quản lý thấy rõ vai trò và tác dụng của từng loại vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Qua đó đề ra quyết định về quản lý và hạch toán từng loại nhằm nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng nguyên vật liệu. Tuy nhiên cách phân loại này còn bộc lộ một số nhược điểm: nhiều khi rất khó phân loại ở một doanh nghiệp, có những loại nguyên vật liệu chính được thực hiện như một vật liệu phụ.

2.2. Theo quyền sở hữu

Theo cách phân loại này nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- Nguyên vật liệu tự có: bao gồm tất cả các nguyên vật liệu thuộc sở hữu của doanh nghiệp.

- Vật liệu nhận gia công chế biến hay giữ hộ.

Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp có thể theo dõi, nắm bắt được tình hình hiện có của nguyên vật liệu để từ đó lên kế hoạch thu mua, dự trữ nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.3. Theo nguồn hình thành

Với cách phân loại này nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- Vật liệu mua ngoài: Là những vật liệu sử dụng cho sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp mua ngoài thị trường.

- Vật liệu tự sản xuất: Là những vật liệu do doanh nghiệp tự chế biến hay thuê ngoài chế biến.

- Vật liệu nhận góp vốn liếng doanh, liếng kết hoặc được biếu tặng, cấp phát.

Cách phân loại này tạo tiền đề cho quản lý và sử dụng riêng từng loại nguyên vật liệu, từng nguồn nhập khác nhau. Trên cơ sở đó doanh nghiệp được hiệu quả sử dụng vật liệu đồng thời giúp tính giá nguyên vật liệu được chính xác.

III. HẠCH TOÁN KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

1. Chứng từ hạch toán kế toán

Các chứng từ được sử dụng trong hạch toán nguyên vật liệu ở doanh nghiệp thường bao gồm: hoá đơn bán hàng, hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất kho theo hạn mức.... tùy theo từng nội dung nghiệp vụ cụ thể.

Nguyên tắc lập chứng từ kế toán nguyên vật liệu là phải phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác theo đúng chế độ quy định ghi chép ban đầu về vật tư. Mỗi chứng từ phải chứa đựng đầy đủ các chỉ tiêu đặc trưng cho nghiệp vụ

kinh tế phát sinh về nội dung, quy mô của nghiệp vụ, thời gian và địa điểm xảy ra cũng như trách nhiệm pháp lý của các đối tượng liên quan.

1.1. Tổ chức chứng từ kế toán nhập kho vật liệu và hạch toán ban đầu

Phiếu nhập kho:

Mục đích: Dùng để xác định số lượng, giá trị NVL nhập kho làm căn cứ để thủ kho ghi thẻ kho và kế toán ghi sổ kế toán, thanh toán tiền hàng, xác định trách nhiệm với người có liên quan.

Phương pháp và trách nhiệm ghi: Phiếu nhập kho áp dụng trong các trường hợp nhập kho vật tư mua ngoài, tự sản xuất, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp cổ phần, nhận liên doanh hoặc vật tư thừa phát hiện trong kiểm kê. Phiếu nhập kho được lập dựa trên mẫu số 01 - VT do Bộ Tài chính ban hành. Khi lập Phiếu nhập kho phải ghi rõ số phiếu nhập và ngày, tháng, năm lập phiếu, họ tên người nhập vật tư, sản phẩm hàng hóa, số hóa đơn hoặc lệnh nhập kho hoặc tồn kho nhập.

Phương pháp luân chuyển chứng từ, kiểm tra ghi sổ Phiếu nhập kho:

- Phiếu nhập kho do bộ phận mua hàng, sản xuất hoặc do Phòng vật tư của đơn vị lập thành 02 liên (đối với vật tư hàng hóa mua ngoài) hoặc 03 liên (đối với vật tư sản xuất), đặt đặt giấy than viết một lần.

Sau đó người lập phiếu ký, trước bước này người lập phiếu phải căn cứ vào chứng từ bên bán (hóa đơn bên hàng) và Biên bản kiểm nghiệm vật tư để viết Phiếu nhập kho.

- Chuyển Phiếu nhập kho cho người phụ trách hoặc thủ trưởng đơn vị ký.

- Người giao hàng mang phiếu đến kho để nhập vật tư

- Nhập kho xong, thủ kho căn cứ vào số lượng hàng thực tế nhập kho ghi ngày, tháng, năm, nhập kho, số lượng thực nhập kho vào cột thực nhập và cùng người giao hàng ký vào Phiếu nhập kho.

Ba liên của Phiếu nhập kho được luân chuyển như sau;

- Liên 1: Lưu tại quyển gốc

- Liền 2: Thủ kho giữ lại để ghi Thẻ kho cuối ngày hoặc định kỳ tập hợp Phiếu nhập kho chuyển cho bộ phận kế toán (kế toán vật tư). Kế toán ghi đơn giở (giở hạch toán hoặc giở hoả đơn,... tùy theo từng đơn vị) sau đó kế toán tính ra tiền của từng thứ vật tư thực nhập và ghi sổ kế toán (sổ chi tiết nguyên vật liệu) sau đó kế toán bảo quản và lưu giữ Phiếu nhập kho.

- Liền 3 (nếu có): người nhập giữ.

1.2. Tổ chức chứng từ kế toán xuất kho nguyên vật liệu và hạch toán ban đầu.

Phiếu xuất kho:

Mục đích: Theo dõi chặt chẽ số lượng vật tư xuất kho cho các bộ phận sử dụng trong đơn vị. Phiếu xuất kho là căn cứ để thủ kho xuất kho và ghi vào Thẻ kho và sau đó chuyển cho kế toán vật tư ghi sổ kế toán. Phiếu xuất kho là căn cứ để hạch toán chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm và kiểm tra việc sử dụng, thực hiện định mức tiêu hao vật tư. Phiếu xuất kho được lập dựa trên mẫu số

02-VT do Bộ Tài chính ban hành.

Phương pháp và trách nhiệm ghi: Phiếu xuất kho lập cho một hoặc nhiều thứ vật tư, sản phẩm, hàng hoá cùng một kho dựng cho một đối tượng hạch toán chi phí hoặc cùng một mục đích sử dụng. Khi lập Phiếu xuất kho phải ghi rõ: tên, địa chỉ của đơn vị, số và ngày, tháng, năm lập phiếu; lý do sử dụng và kho xuất vật tư.

Phương pháp luân chuyển, kiểm tra ghi sổ Phiếu xuất kho:

- Phiếu xuất kho do bộ phận xin lĩnh hoặc do bộ phận vật tư lập (tùy theo tổ chức quản lý và quy định của từng đơn vị) thành 03 liên (đặt giấy than viết một lần): ghi số thứ tự, tên nhóm hiệu, quy cách, đơn vị tính và mã số của vật tư, số lượng vật tư theo yêu cầu xuất kho của người (bộ phận) sử dụng. Sau khi lập phiếu xong, chuyển cho phụ trách bộ phận sử dụng và phụ trách cung ứng (hoặc người uỷ quyền) ký duyệt và giao cho người cầm phiếu xuống kho để lĩnh.

- Sau khi xuất kho, thủ kho ghi sổ thực xuất của từng thứ (số lượng thực tế xuất kho chỉ có thể bằng hoặc ít hơn số lượng yêu cầu), ghi ngày, tháng, năm xuất kho và cùng người nhận hàng ký tên vào chứng từ...

Ba liồn Phiếu xuất kho được luân chuyển như sau:

- Liồn 1: lưu tại gốc

- Liồn 2: thủ kho giữ để ghi Thẻ kho. Cuối cùng ngày hoặc đầu kỳ chuyển cho bộ phận kế toán vật tư. Kế toán vật tư ghi đơn giá (tùy theo quy định hạch toán đơn vị), tính thành tiền của từng loại vật tư xuất kho và ghi sổ kế toán (sổ chi tiết và sổ tổng hợp)

- Liồn 3: người nhận giữ để ghi sổ kế toán bộ phận sử dụng:

2. Phương pháp hạch toán chi tiết nguồn vật liệu

Hạch toán chi tiết là thực hiện ghi chép kịp thời, chính xác biến động tăng giảm xuất, nhập, tồn của nguồn vật liệu cả về giá trị và hiện vật cho từng loại nguồn vật liệu trong từng kho của doanh nghiệp.

Việc hạch toán chi tiết nguồn vật liệu được thực hiện ở cả hai nơi: tại kho vật tư và trên phiếu kế toán, được thực hiện bởi thủ kho và kế toán vật tư, trách nhiệm và quyền hạn của từng nhân viên này được thể hiện trong từng mục hình tổ chức hạch toán chi tiết vật liệu.

2.1. Hạch toán chi tiết nguồn vật liệu theo phương pháp thẻ song song

Phương pháp này thích hợp với các bộ phận có một số chủng loại vật tư, phần lớn được lưu chuyển qua kho, mật độ nhập dày đặc, kho tàng tập trung để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra đối chiếu.

Theo phương pháp này, để hạch toán nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho NVL, ở kho phải mở Thẻ kho để theo dõi về mặt số lượng nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật tư ở từng kho, làm căn cứ xác định tồn kho dự trữ và vật tư và xác định trách nhiệm vật chất của thủ kho, ở phòng kế toán mở sổ kế toán chi tiết nguồn vật liệu để theo dõi cả về mặt số lượng và giá trị.

2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại vật tư phong phú, đa dạng, mật độ nhập xuất dày đặc, kho tàng phân tán, quản lý tổng hợp, lao động kế toán không đủ để thực hiện kiểm tra, đối chiếu thường xuyên. Theo phương pháp này, để hạch toán nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho vật liệu, ở kho vẫn phải mở Thẻ kho để theo dõi về mặt số lượng đối với từng loại nguồn vật liệu, ở phòng kế toán sẽ mở Sổ đối chiếu luân chuyển để theo dõi sự biến động của nguồn vật liệu về mặt giá trị và hiện vật.

2.3. Phương pháp sổ số dư

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn, nhiều chủng loại vật tư, trình độ lao động kế toán và thủ kho cao, hệ thống kho tàng phân tán có thể theo dõi thường xuyên đối chiếu kiểm tra.

Theo phương pháp này, ở kho theo dõi về mặt số lượng từng thứ nguồn vật liệu còn phòng kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị của từng nhóm nguồn vật liệu. Thủ kho ngoài việc ghi Thẻ kho như các phương pháp trên thì cuối kỳ còn phải ghi lượng nguồn vật liệu tồn kho vào Sổ số dư.

IV. HẠCH TOÁN TỔNG HỢP NGUỒN VẬT LIỆU

Hạch toán tổng hợp là việc ghi chép kế toán về tình hình nhập, xuất, tồn kho của nguồn vật liệu trên các tài khoản kế toán theo chỉ tiêu giá trị

nhằm hệ thống hoỏ thụng tin theo chỉ tiều kinh tế tổng hợp. Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp và được nhập, xuất kho thường xuyên, tuy nhiên tùy theo đặc điểm nguyên vật liệu của từng doanh nghiệp mà cởc doanh nghiệp cú cởc phương thức kiểm kờ khỏc nhau. Cú doanh nghiệp thực hiện kiểm kờ theo từng nghiệp vụ nhập, xuất kho (mỗi lần nhập xuất kho đều cú cởn, đo, đong, đếm) nhưng cũng cú doanh nghiệp chỉ kiểm kờ một lần vào thời điểm cuối kỳ bằng cởch cởn, đo, đong, đếm, ước lượng nguyên vật liệu tồn cuối kỳ. Tương ứng với hai phương pháp kiểm kờ tròn, trong kế toán nguyên vật liệu núi riêng và kế toán cởc loại hàng tồn kho núi chung cú hai phương pháp hạch toán kế toán tổng hợp là kờ khai thường xuyên (KKTX) và kiểm kờ định kỳ (KKĐK).

Việc mở cởc tài khoản tổng hợp, ghi sổ kế toán, xỏc định giỏ trị hàng tồn kho, giỏ trị hàng xuất bởn tùy thuộc vào việc doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo một trong hai phương pháp: KKTX và KKĐK mà chế độ kế toán hiện hành đó quy định.

1. Tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kờ khai thường xuyên

Là phương pháp theo dừi và phản ỏnh thường xuyên, liờn tục, cú hệ thống tởnh hỏnh nhập, xuất, tồn kho vật tư hàng hoỏ tròn sổ kế toán. Theo phương pháp này, cởc tài khoản kế toán nguyên vật liệu được dựng để phản ỏnh số hiện cú, tởnh hỏnh biến động tăng, giảm của nguyên vật liệu. Vở vậy giỏ trị nguyên vật liệu tròn sổ kế toán cú thể được xỏc định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Phương pháp này thường được ỏp dụng trong cởc đơn vị sản xuất và cởc đơn vị kinh doanh những mặt hàng cú giỏ trị lớn như mỏy múc, thiết bị... Phương pháp KKTX giỳp doanh nghiệp quản lý chặt chẽ về nguyên vật liờu núi riêng và hàng tồn kho núi chung. Đối chiếu số liệu kế toán với kết quả kiểm kờ ở một thời điểm nào đó sẽ xỏc định được tởnh hỏnh thừa, thiếu nguyên vật liệu.

2. Tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kờ định kỳ

Là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của nguyên vật liệu trên sổ kế toán tổng hợp từ đó tính ra giá trị của nguyên vật liệu đó xuất trong kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị NV xuất kho} = \text{Giá trị NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị NVL nhập trong kỳ} - \text{Giá trị NVL tồn cuối kỳ}$$

Theo phương pháp này, tài khoản kế toán nguyên vật liệu dựng để theo dõi sự biến động nhập xuất của nguyên vật liệu được phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng: TK 611 "Mua hàng", TK 152 "Nguyên vật liệu" dựng để phản ánh sự biến động đầu kỳ, cuối kỳ của hàng tồn kho trên cơ sở kiểm kê cuối mỗi kỳ hạch toán.

V. HẠCH TOÁN DỰ PHẪNG GIẢM GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU TỒN KHO

1. Khái niệm

Dự phũng giảm giá hàng tồn kho là việc trích lập trước một khoản tiền vào chi phí do cú sự chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần cú thể thực hiện được của chúng tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm nhằm tạo nguồn tài chính bù đắp cho những thiệt hại cú thể xảy ra cho kỳ kế toán sau do nguyên nhân giảm giá nguyên vật liệu.

2. Phương pháp hạch toán

Xác định mức dự phũng phải trích lập

Mức dự phũng phải trích cho năm kế hoạch = Lượng nguyên vật liệu tồn kho giảm x (Đơn giá hạch toán trên sổ - Đơn giá thực tế thời điểm lập dự phũng).

- Tài khoản sử dụng:

- TK 159 "Dự phũng giảm giá hàng tồn kho". Kết cấu:

Bờn Nợ: Hoàn nhập dự phũng giảm giá hàng tồn kho vào cuối niên độ kế toán.

Bờn Cú: Trích lập dự phũng cần lập vào cuối niên độ

Dư cú: Số dự phũng đó trích

- Trờnh tự hạch toán

+ Cuối năm căn cứ vào mức dự phũng cần lập, kế toán ghi sổ:

Nợ TK 642

Cú TK 159

+) Sang cuối năm sau nếu số cần lập cho năm kế hoạch đưng bằng số đó tróch lập năm trước thờ kế toán khụng phải tróch lập dự phũng nữa.

+) Nếu số cần lập cho năm kế hoạch cao hơn số đó lập thờ kế toán tróch lập thòm phần chònh lệch tăng thòm và hạch toán như sau:

Nợ TK 632 "Giỏ vốn hàng bán" (chi tiết dự phũng giảm giỏ hàng tồn kho)

Cú TK 159 "Dự phũng giảm giỏ hàng tồn kho"

+) Nếu số cần lập cho năm kế hoạch thấp hơn số đó lập thờ kế toán hoàn nhập phần chònh lệch giảm và hạch toán như sau:

Nợ TK 159 "Dự phũng giảm giỏ hàng tồn kho"

Cú TK 632 "Giỏ vốn hàng bán" (chi tiết dự phũng giảm giỏ hàng tồn kho)

3. Điều kiện ỏp dụng

Việc tróch lập hay hoàn nhập còc khoản dự phũng giảm giỏ nguyên vật liệu tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm phải tuân thủ còc yêu cầu sau:

- Phải cú đủ tài liệu, chứng từ chứng minh giỏ vốn của nguyên vật liệu tại thời điểm lập dự phũng cao hơn giỏ trị thuần cú thể thực hiện được của chýng tròn thị trường.

- Việc ước tónh giỏ trị thuần cú thể thực hiện của hàng tồn kho phải dựa tròn bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tónh.

- Là nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, tồn kho tại thời điểm lập dự phũng.

- Việc lập dự phũng giảm giỏ hàng tồn kho được thực hiện tròn cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Tuy nhiên đối với những nguyên vật liệu tồn kho cú giỏ gốc cao hơn giỏ trị thuần cú thể thực hiện được nhưng giỏ bán sản phẩm

được ra từ nguyên vật liệu này khụng giảm hoặc thậm chí cao hơn giá hiện tại thì khụng được lập dự phúng giảm giá nguyên vật liệu.

VI. HỆ THỐNG SỔ SÁCH SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

Chúng từ kế toán mới chỉ là những thụng tin phản ảnh rời rạc, chưa có tổc dụng đối với cùng tổc quản lý tổng hợp. Người ta khụng chỉ dựa trên những chứng từ rời rạc để đưa ra những quyết định kế toán. Vì vậy cần phải sắp xếp chứng từ thành những nghiệp vụ có nội dung kinh tế và cùng dụng tương tự, sau khi đó được sắp xếp bằng cách phản ảnh đối ứng tài khoản thì cần theo dõi thường xuyên và sổ sách kế toán chính là để đáp ứng nhu cầu đó. Các sổ kế toán khụng giống nhau với từng loại nghiệp vụ sẽ có tính chất khác nhau nhưng giữa chúng có mối quan hệ mật thiết trong ghi chép, đối chiếu. Mỗi cách kết hợp khác nhau sẽ đem lại một hệ thống sổ khác nhau và có những quy định riêng.

Hệ thống sổ kế toán trong doanh nghiệp được xây dựng để theo dõi tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Nhưng trong phạm vi đề tài nghiên cứu này, em chỉ xem xét hệ thống sổ kế toán sử dụng trong hạch toán nguyên vật liệu. Tùy theo điều kiện cụ thể mà kế toán có thể áp dụng một trong những hình thức sổ kế toán tổng hợp: Nhật ký - Sổ cái, Nhật ký chung, Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN NVL TẠI CỔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

I. TỔNG QUAN VỀ CỔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty bánh kẹo Hải Châu.

1.1. Tồn hình phân bổ lao động tại Công ty bánh kẹo Hải Châu:

Trước khi tìm hiểu chung tồn hình sản xuất kinh doanh tại công ty Bánh kẹo Hải Châu thì vấn đề ta quan tâm đến đầu tiên là cơ cấu lao động hiện tại của Công ty. Sở dĩ như vậy là vì trong tất cả các lĩnh vực từ những công việc đơn giản, thủ công nhất cho đến những công việc đòi hỏi trình độ tinh vi, phức tạp nhất đều cần phải có bàn tay lao động và trí óc của con người. Nhận thức được tầm quan trọng của đội ngũ lao động trong tiến trình sản xuất kinh doanh Công ty đó có những phân bổ lao động tương đối phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp như sau;

Lực lượng lao động của Công ty được chia thành 2 loại lao động: Lao động trực tiếp và lao động gián tiếp.

Lực lượng lao động gián tiếp của Công ty bao gồm: Đại Hội Đồng Cổ Đụng, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các công bộ nhân viên công phụng ban chức năng và đội ngũ nhân viên phục vụ. Tỷ lệ lao động gián tiếp của Công ty chiếm 12% - 14% so với lực lượng toàn Công ty, đây là tiên bộ trong công quản lý của Công ty. Đội ngũ công bộ quản lý của Công ty được điều hành và tổ chức theo cơ cấu chức năng nên đó giúp tình giảm lực lượng gián tiếp được tốt hơn, trình độ của công bộ quản lý được nâng cao. Nguồn lao động trực tiếp chiếm từ 86 đến 88% tổng số lao động: Lực lượng lao động trực tiếp đứng máy sản xuất và bao gói, lực lượng công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề cao. Bậc thợ bình quân của công nhân cơ điện, kỹ thuật là 4,81/7 và công nhân công nghệ người trực tiếp đứng máy sản xuất và đứng gói sản phẩm là 4,38/6.

Như vậy, cơ cấu tổ chức lao động của Công ty tương đối tinh giản và linh hoạt. Cơ cấu này phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty và bắt kịp với yêu cầu của xã hội hiện nay: Đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng. Ưu điểm này của Công ty giúp phần nào nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm sản xuất. Phần cộng lao động hợp lý sẽ giúp cho công nhân quản lý dễ dàng trong việc kiểm tra giám sát và điều động nguồn nhân lực khi cần thiết. Mặc dù vậy số lượng lao động của Công ty trước cổ phần vẫn còn khá nặng nề dẫn đến một số khó khăn trong quản lý đặc biệt là theo dõi lương, thưởng, BHXH cho từng cộng nhân viên trong Công ty. Sau cổ phần hóa số lượng cộng nhân viên trong Công ty chỉ còn 967 người do đó tạo điều kiện thuận lợi cho phần cộng phần nhiệm cộng việc cho từng người, tạo động lực cho cộng nhân viên hoàn thành cộng việc được giao. Với số lượng nhân viên như thế giúp cho kế toán lương, bảo hiểm có thể theo dõi chi tiết và chính xác hơn rất nhiều so với trước.

1.2. Tồn đọng trạng bị kỹ thuật tại Công ty bột kẹo Hải Châu.

Với cơ cấu lao động phù hợp vẫn chưa phải là điều kiện đủ để Công ty có thể đi vào hoạt động sản xuất bột kẹo thường được, mà bên cạnh đó phải kể đến yếu tố kỹ thuật là yếu tố giúp phần hoàn thiện sản phẩm và đẩy nhanh tiến độ sản xuất. Do đó ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra công chính sách về thiết bị kỹ thuật qua các giai đoạn như sau:

Dãy chuyền cộng nghệ của Trung Quốc ngày trước đó làm nên giờ trị Hải Châu một thời bao cấp, bây giờ trở nên lạc hậu, cũ kỹ khiến cho sản phẩm của Hải Châu trong những năm 1991 khụng thể cạnh tranh được với công chủng loại bột kẹo nhập lậu, sản xuất tự tiện trong nước đó tràn ngập thị trường. Nhận thức được khó khăn này Công ty đã mạnh dạn vay vốn để đầu tư cộng nghệ hiện đại: Như năm 1993 nhà máy đó mua dãy chuyền sản xuất bột kem xếp cao cấp của Cộng hòa Liên Bang Đức, trị giá 9 tỷ đồng, khi sản phẩm bột kem này ra thị trường nó đó đánh bại mặt hàng cộng loại trên thị trường. Theo đó Công ty tiếp tục đầu tư dãy chuyền phủ socola

tròn cốc loại bình kem xốp (năm 1994), sản phẩm này khụng thua kộm hàng ngoại nhập là mấy.

Đặc biệt trong hai năm 1996 - 1997, Cụng ty tiếp tục đầu tư thồm hai dõy chuyển sản xuất; kệ cứng và kệ mềm đồng bộ (với thiết bị hiện đại của Cộng Hũa Liờn Bang Đức. Năm 1998 đầu tư một bước mới di chuyển mặt bằng cộng dõy chuyển bình bớch quy Hải Chõu (Thiết bị này mua tại Đài Loan) từ 2,1t/ca lờn 3,2t/ca. Tiếp đú năm 1999 đầu tư tiếp hai dõy chuyển in phun điện tử, cú đẩg ký mớ số - mớ vạch theo tiờu chuẩn quốc tế và hai mớ dũg gửi kệ, hoàn thiện dõy chuyển sản xuất bình quy ộp cứng một số trang thiết bị mới cho phõn xưởng kem xốp, cải tạo hệ thống đa khay ra băng tải nguội đồng thời sửa chữa lữ nhiệt, lắp thiết bị chống nắng, chống giú, hoàn thiện việc mở rộng mặt bằng cốc phõn xưởng đảm bảo an toàn cho người lao động (Với tổng số là 6 tỷ đồng).

Đến nay Cụng ty đó trang bị mớ vi tớnh cho hơn 80% cõn bộ cốc phũng ban, chuyển mụn nghiệp vụ 100% xưởng sản xuất cú thụng tin nội bộ với nhau, đồng thời phõn cấp quản lý giao khoản với mục tiờu giảm bớt tiờu hao nguỳn vật liệu, nõng cao chất lượng sản phẩm và phỏt huy tớnh linh hoạt, khả năng sỏng tạo và tự chủ của bộ phận sản xuất người lao động để họ trở thành bộ phận tham mưu cho lớnh đạo về định hướng, phỏt triển và đầu tư thiết bị mớ mức, để cú những sỏch lược dự đoỏn thị trường về sản phẩm..... tất cả điều đú sẽ làm cơ sở cho cụng tỏc điều hành cũng như lờn kế hoạch mua nguỳn vật liệu, sản xuất tồn kho...

Hầu hết những mớ mức sử dụng trong cốc phõn xưởng của Cụng ty cú nguỳn gốc từ Chõu Âu hoặc Đài Loan và đượ nhập mới 100%, tất cả cốc loại mớ này trước khi mua về đều đượ tớnh toỏn kỹ nờn đó tạo ra sản phẩm phự hợp với người Việt Nam về kiểu dỏng, mẫu mớ, chất lượng và giỏ cả thấp. Trong tương lai gần Cụng ty Bớnh kệ Hải Chõu đặt ra một số định hướng nhằm tạo ra những bước chuyển biến mới như: thực hiện đầu tư dõy chuyển

bệnh cao cấp, đa dạng hóa sản phẩm tròn dỖy chuyên cũ, nhõn rừ xu hướng và yêu cầu của thị trường để cú bước đi phự hợp.

Dưới dỖy là nhữnğ trang thiết bị mà Cựng ty đó đầu tư đựợc trong nhữnğ năm qua:

Bảng 1: Một số thiết bị chớnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Cựng ty

TT	Tồn tài sản	Nơi cung cấp	Cựng suất	Hiện trạng
1	DỖy chuyên sản xuất bỖnh kem xộp	CHLB Đứс	1 tấn/ca	Tự động sản xuất, bao gói thủ cựng
2	DỖy chuyên sản xuất bỖnh kem xộp	CHLB Đứс	1.6 tấn/ca	Tự động sản xuất
3	DỖy chuyên sản xuất bỖnh kem xộp và phủ sụcụla	CHLB Đứс	0,5 tấn/ca	Tự động sản xuất
4	DỖy chuyên sản xuất kẹo cứng	CHLB Đứс	2,4 tấn/ca	Tự động sản xuất, bao gói thủ cựng
5	DỖy chuyên sản xuất kẹo mềm	CHLB Đứс	3 tấn/ca	Tự động sản xuất, bao gói thủ cựng
6	DỖy chuyên sản xuất sụcụla thanh và vion	CHLB Đứс	0,3 tấn/ca	Tự động sản xuất
7	DỖy truyền sản xuất bỖnh quy xộp, kem	TQ	2,5-3 tấn/ca	Tự động sản xuất
8	DỖy chuyên sản xuất bỖnh quy, kem xộp	ĐL	2,8 tấn/ca	Tự động sản xuất, bao gói thủ cựng
9	DỖy chuyên sản xuất bột canh iốt	AUS	2-4 tấn/ca	Tự động sản xuất

Với nhữnğ trang thiết bị cú tại Cựng ty như ta thấy tròn Bảng 1 chứng tỏ ban quản lý của Cựng ty rất quan tỖm đến việc ỏp dụng cỖc mỖy mức hiện

đại vào sản xuất. Việc đầu tư cùng nghệ tiên tiến đòi hỏi phải có nguồn vốn bước đầu là rất lớn, nhưng nó sẽ là nhân tố hết sức quan trọng có thể tạo ra sản phẩm chất lượng cao mà không tốn nhiều thời gian và sức lao động. Với chủ trương này trong tương lai Công ty sẽ đạt được những thành tựu to lớn cả về chất lượng cũng như số lượng sản phẩm, bên cạnh đó công ty sẽ tiết kiệm được một số lượng đáng kể NVL, sức lao động cũng như thời gian hao phí sản xuất. Tuy nhiên không phải tất cả đầu tư đều có lợi mà điều đó còn phụ thuộc vào thực trạng kinh tế tại Công ty khi đó, nếu như công ty quá chú trọng cho công nghệ mới nhưng sản phẩm sản xuất ra lại chưa tiêu thụ được hoặc có tiêu thụ nhưng số lượng không nhiều thì nó sẽ ảnh hưởng bởi lợi vay bởi giá trị của đồng tiền trên thị trường... do đó sẽ dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty thay đổi.

1.3. Đặc điểm nguồn vốn

Bất kỳ một công ty nào khi tiến hành kinh doanh cũng cần phải có đủ số vốn quy định theo yêu cầu của pháp luật. Ngoài ra công ty cũng cần phải có vốn để đầu tư cho sản xuất như mua vật liệu đầu vào, trang thiết bị và chế độ đối với người lao động... Do đó, vốn là yếu tố không thể thiếu và công ty luôn phải tập trung huy động, thu hút được càng nhiều vốn thì càng có lợi cho hoạt động kinh doanh của công ty. Trong khi đó vốn của doanh nghiệp thường được hình thành từ các nguồn khác nhau ví dụ như vốn góp của các thành viên, vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế, vốn vay của các ngân hàng tổ chức tín dụng và các đối tượng khác, vốn trong công nợ... Những năm gần đây tình hình tài chính của Công ty bình kiện Hải Châu có những chuyển biến tích cực và được thể hiện qua bảng số liệu:

Bảng 2: Bảng kết quả về tình hình tài chính của Công ty trong 4 năm

STT	Chỉ tiêu	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	So sánh		
						02/01	03/02	04/03
1	Tổng Tài sản	75063	120289	143443	150966	160	119	105
	- Tài sản LĐ&ĐTNH	40598	38751	44737	45605	95	115	102

	- Tài sản CĐ&ĐTDH	34465	81538	98706	105361	237	121	107
2	Tổng nguồn vốn	75063	120289	143443	150966	160	119	105
	- Nợ phải trả	50789	95032	123039	126477	187	129	103
	- Nguồn vốn CSH	24247	25257	20405	24489	104	81	120
	+ Nguồn vốn kinh doanh	24247	25274	25274	21103	104	100	83
	+ Nguồn vốn khắc	0	-18	-4870	3386			

Ta xác định chỉ tiêu tỷ suất tự Tài trợ của NVCSH: Năm 2001 là 32,4% năm 2002 là 21% như vậy ta thấy tỷ suất tự Tài trợ NVCSH năm 2002 giảm so với năm 2001 tuy nhiên với tỷ suất đo doanh nghiệp vẫn tự chủ trong hoạt động Tài chính.

Tương tự như thế ta thấy năm 2003 Tài sản cũng tăng so với năm 2002 là 231tr.đ tương ứng là 19,3%. Nguồn vốn chủ sở hữu năm 2003 giảm so với năm 2002 là 4852tr.đ tương ứng là 19,3% điều đó chứng tỏ cộc khoản cụng nợ năm 2003 tăng lờn nhiều so với năm 2002. Và tỷ suất tự Tài trợ năm 2003 là 14,3% giảm đi gần một nửa so với năm 2002, doanh nghiệp đang giảm dần khả năng tự chủ về Tài chính.

Đến năm 2004 Tài sản của doanh nghiệp vẫn tiếp tục tăng, so với năm 2003 thờ Tài sản của doanh nghiệp tăng lờn là 7523tr.đ tương ứng là 5,3%. Trong khi đó nguồn vốn của doanh nghiệp tăng lờn là 4084tr.đ tương ứng là 2,1% chứng tỏ doanh nghiệp đang giảm dần cộc khoản nợ ngắn hạn xuống nhưng vẫn chưa hiệu quả.

Bờn cạnh đó, ta cũn thấy cộc nguồn vốn khỏc đang dần được đầu tư nhiều hơn vào Cụng ty vớ dụ như năm 2004 đó cú 3386tr.đ được đầu tư. Đó là những điều kiện tốt giúp doanh nghiệp cú thể cải thiện tỡnh hỡnh Tài chính của mỡnh. Chỉ cú nền Tài chính vững mạnh mới cú thể giúp cho tiến trỡnh kinh doanh tại Cụng ty được bền vững và phỏt triển. Trờn cơ sở đó cũng sẽ giúp cho cụng tỏc tổ chức cộc phũng ban khỏc được thuận lợi và linh

hoạt hơn, đặc biệt là bộ máy kế toán có thể cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng thành viên (Hội đồng quản trị), Giám đốc (Tổng giám đốc) về giá trị tuyệt đối của các nguồn vốn hiện có, về tỷ trọng của từng bộ phận trong tổng nguồn vốn

2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Bông kẹo Hải Châu.

2.1. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Bông kẹo Hải Châu

Với công nghệ mới và tròn cơ sở sắp xếp lại quá trình lao động hợp lý, tổng số công nhân viên toàn Công ty có mặt trước thời gian cổ phần hóa là 1072 người, số lao động nghỉ việc hưởng chế độ dư thừa là 105 người, số lao động chuyển sang Công ty Cổ phần là 967 người.

Bộ máy quản lý của Công ty gồm hai cấp: Công ty và cấp phân xưởng và được bố trí theo cơ cấu trực tiếp chức năng, hệ thống này gắn kết chuyển giao làm việc chức năng với các chỉ huy trực tuyến khi ra các quyết định quản trị liên quan đến chức năng mà họ phụ trách nên khắc phục được hạn chế tách rời việc chuẩn bị và ra quyết định, nhờ vậy cũng khắc phục được tình trạng tách rời người ra quyết định với người thực hiện quyết định. Bên cạnh đó cũng có ưu điểm là các mệnh lệnh, nhiệm vụ và thông báo tổng hợp được chuyển lần lượt từ lãnh đạo doanh nghiệp đến cấp dưới cho đến tận cấp dưới cùng một cách trực tiếp do đó đảm bảo tính thống nhất trong quản lý. Bên cạnh đó bên cũng đòi hỏi hao phí nhiều thời gian trong quá trình ra các quyết định và cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ chỉ huy trực tuyến với các cán bộ chức năng.

* Về cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty như sau:

Đại Hội Cổ Đông (ĐHCD): Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, ĐHCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ

Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý của Cũng ty, cú toàn quyết quyết định mọi vấn đề liờn quan đến mục đớch, quyền lợi của Cũng ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

Tổng giám đốc (TGD): Là người điều hành cõc cũng việc hàng ngày của Cũng ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng giám đốc cú thể là thành viên Hội đồng quản trị, do hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm: TGD là người đại diện pháp nhân của cũng ty.

Phó tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Cũng ty theo phõn cũng của giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phõn cũng. Đồng thời khụng tham gia cõc chức danh quản lý điều hành sản xuất ở đơn vị sản xuất kinh doanh khỏc.

Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật: Tham mưu cho Giám đốc về cõc mặt cũng tũc:

- Cũng tũc kỹ thuật
- Bồi dưỡng nũng cao trũnh độ cũng nghệ
- Bảo hiểm xó hội
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm

Phó giám đốc kinh doanh: Tham mưu cho Giám đốc về cõc mặt cũng tũc:

- Kinh doanh tũu thụ sản phẩm
- Hành chính và bảo vệ
- Điều hành kế hoạch tũc nghiệp của cõc phõn xũng.

Kế toán trưởng Cũng ty giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, tổ chức cũng tũc kế toán Tài chính, thống kờ của Cũng ty, cú cõc quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức bộ mỷ quản lý điều hành của Cũng ty.

Cõc cõn bộ quản lý thuộc cõc phũng ban chuyờn mụn nghiệp vụ cú chức năng tham mưu giúp việc là thực hiện quản lý điều hành Cũng ty theo

yêu cầu của Tổng giám đốc và hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc và pháp luật về thực hiện pháp luật được giao. Đồng thời khuyến khích tham gia công chức danh quản lý điều hành sản xuất ở đơn vị sản xuất kinh doanh khác

* Công phũng ban:

@ Phũng tổ chức: Tham mưu cho Giám đốc về công mặt công tởc

- Công tởc tổ chức công bộ, lao động và tiền lương
- Soạn thảo công quy chế quản lý, công quyết định, công văn, chỉ thị
- Tuyển dụng, điều động lao động
- Công tởc bảo hộ lao động
- Thảo công quyết định, công chế độ, công sổ sách
- Công tởc hồ sơ nhân sự

@ Phũng kỹ thuật và KCS: Tham mưu cho Giám đốc về công mặt công tởc:

- Tiến bộ kỹ thuật
- Quản lý quy trình công nghệ sản xuất và quy trình kỹ thuật
- Nghiên cứu công mặt hàng mới, mẫu mớ và bao bớ mới
- Quản lý và xõy dựng kế hoạch tu sửa thiết bị
- Soạn thảo công quy trình, quy phạm kỹ thuật
- Giải quyết công sự cố mớ mức, công nghệ sản xuất
- Tổ chức đào tạo công nhân và công bộ kỹ thuật

@ Phũng kế hoạch vật tư: Tham mưu cho Giám đốc về công mặt công tởc:

- Xõy dựng kế hoạch tổng hợp (1 năm, dài hạn và kế hoạch công nghiệp)
- Kế hoạch cung ứng vật tư, nguyên vật liệu
- Công tởc tởu thụ sản phẩm

@ Phũng kế toán - thống kê - Tài chính.

- Giýp gióm đốc tổ chức và chỉ đạo thực hiện toàn bộ cụng tỏc Tài chính kế toán, thụng tin, kinh tế, tổ chức hạch toán trong toàn bộ Cụng ty và phỏp luật Nhà nước và điều lệ tổ chức kế toán theo chế độ chính sỏch.

- Tổ chức bộ mỷ kế toán từ Cụng ty đến cỏc đơn vị trực thuộc. Tổ chức bộ mỷ chứng từ kế toán, tổ chức vận dụng tài khoản hệ thống kế toán phự hợp với điều hành và quản lý kinh tế ở cỏc đơn vị và Cụng ty.

- Phõn tách hoạt động kinh tế nhằm phỏt huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của Cụng ty.

@ Phũng hành chính: Tham mưu cho Gióm đốc về cỏc mặt cụng tỏc:

- Hành chính quản trị

- Đời sống

- Y tế, sức khỏe

- Nhà trẻ mẫu giỏo

@ Phũng bảo vệ: Tham mưu cho Gióm đốc về cỏc mặt cụng tỏc:

- Bảo vệ xõy dựng nhà xưởng, kho tàng

- Thực hiện sửa chữa nhỏ trong Cụng ty.

Ban kiểm soát (BKS): Do ĐHĐCĐ bầu ra trong số cỏc đụng của Cụng ty. Ban kiểm soát cú nhiệm vụ:

- Gióm soát và kiểm tra sự tuân theo điều lệ và phỏp luật cú liờn quan của HĐQT, Tổng gióm đốc, bộ mỷ giýp việc và cỏc cỏ nhõn trong Cụng ty.

- Kiểm tra tónh hợp lý, hợp phỏp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sỏch kế toán và bảo cỏ Tài chính của Cụng ty

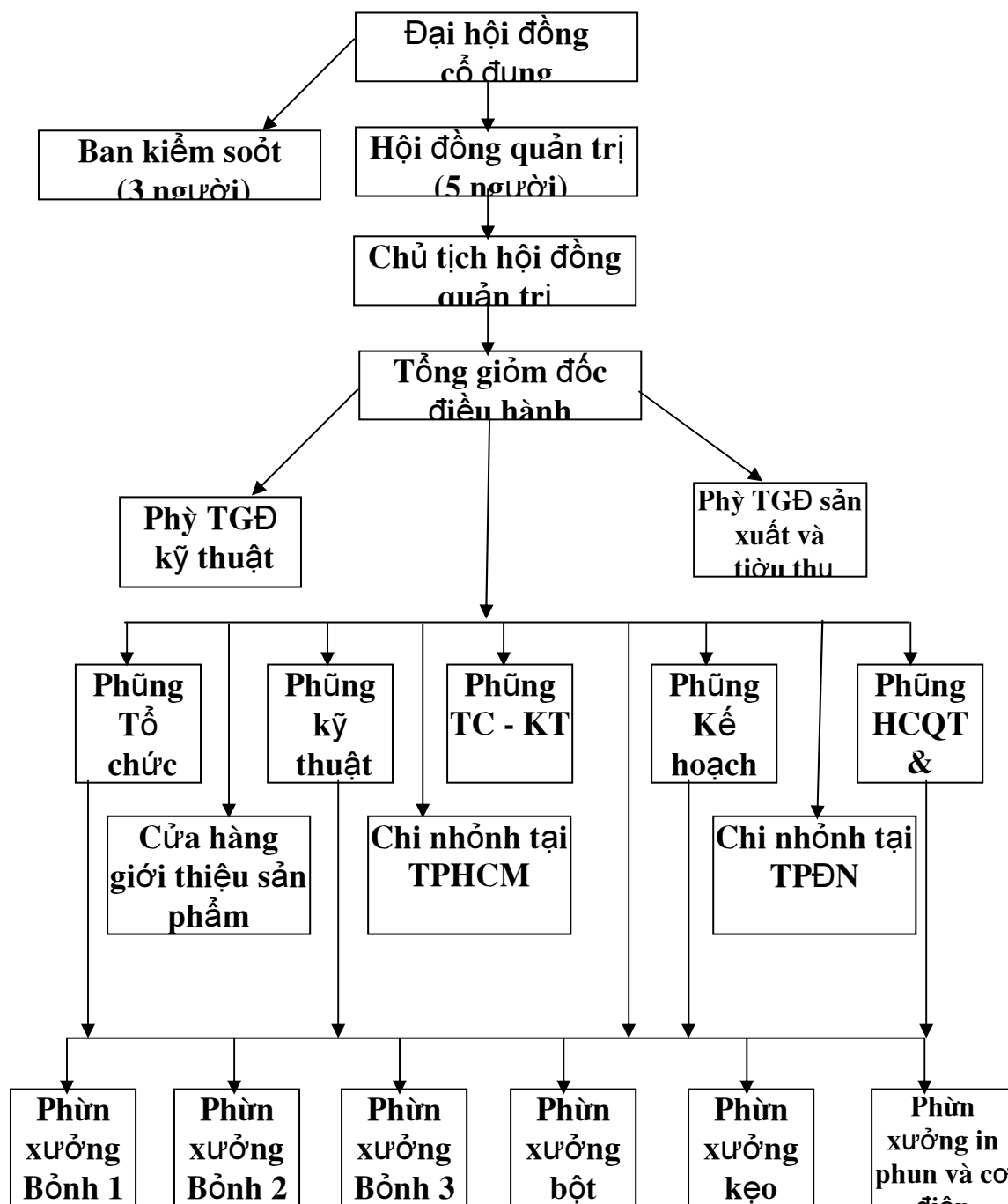
- Thẩm định bảo cỏ tài chính hàng năm của Cụng ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liờn quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Cụng ty khi xột thấy cần thiết.

- Kiến nghị biện phỏp bổ sung, sửa đổi, cải tiến, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Cụng ty.

2.2. Sơ đồ tổ chức bộ mỷ quản lý cụng ty Bỏnh kẹo Hải Chõu

Sau khi tìm hiểu toàn bộ công phn̄ng ban và nhiệm vụ của phn̄ng ban cũng như cơ cấu số lượng cụng nhõn viờn trong Cụng ty ta cú thể khỏỉ quỏt lại qua sơ đồ dưới đây: Sơ đồ 1

Sơ đồ 1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty bánh kẹo Hải Châu



3. Đặc điểm tổ chức hệ thống kế toán tại cụng ty

3.1. Chính sách kế toán chung

* Niên độ kế toán của Cụng ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 năm bảo cỏ.

* Kỳ kế toán: Kỳ kế toán tại Cụng ty là Quý. Vào cuối mỗi quý đơn vị phải hoàn thành cỏ bảo cỏ Tài chính: Bảo cỏ kết quả kinh doanh, bảng cõn đối kế toán, bảo cỏ lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh bảo cỏ tài chính.

* Đơn vị tiền tệ ỏp dụng: Cụng ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam với ký hiệu quốc gia là "đ", ký hiệu quốc tế là VNĐ.

* Chữ viết sử dụng trong kế toán là tiếng Việt: Trong một số trường hợp sử dụng tiếng nước ngoài trõn chứng từ kế toán, sổ kế toán và bảo cỏ tài chính thõ cụng ty sử dụng đồng thời tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

* Chữ số mà cụng ty sử dụng trong kế toán là chữ số Ả Rập: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

* Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi đồng tiền khỏc: Trong trường hợp cỏ nghiệp vụ kinh tế Tài chính phỏt sinh là ngoại tệ kế toán ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỉ giỏ hối đoái do Ngõn hàng Nhà nước Việt Nam cụng bố tại thời điểm quy đổi.

* Hõnh thức sổ kế toán ỏp dụng: Cụng ty sử dụng sổ kế toán tổng hợp nhậ ký chung.

* Cụng ty ỏp dụng phương pháp tónh thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Tức là đơn vị tập hợp cỏ hoỏ đơn liõn quan đến thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoỏ, vật tư mua vào, sau đó khấu trừ với thuế GTGT của hàng hoỏ dịch vụ bỏn ra.

3.2. Tổ chức bộ máy kế toán

Do đặc điểm của cụng ty là doanh nghiệp sản xuất với số lượng cỏ nghiệp vụ phỏt sinh tương đối nhiều nờn phõng kế toán của Cụng ty gồm cú 11 người, trong đó cú: 1 kế toán trưởng, 2 phú phõng, 1 kế toán Tài sản cố định, 1 kế toán nguyên vật liệu, 1 kế toán ngõn hàng - tổng hợp, 1 kế toán

thành phẩm, 1 kế toán lương - bảo hiểm, 1 kế toán vật tư, 1 kế toán cung nợ, 1 thủ quỹ, 1 kế toán tiền mặt, phụng kế toán cung ty cú những nhiệm vụ rất quan trọng tìu biểu như:

Tổ chức, kiểm tra, giorm sốt cung tốc ghi chộp ban đầu

Kiểm tra giorm sốt mọi khoản thu chi trong cung ty và cò xỏ nghiệp trực thuộc.

Thảm định về hiệu quả kinh tế của cò dự ỏn, phương ỏn sản xuất.

Lập, trỏnh, ký, chuyển nộp và lưu trữ cò bảo cò kế toán, bảo cò thuế, bảo cò thống kờ định kỳ, hồ sơ bảo hiểm xỏ hội, bảo hiểm y tế... theo quy định của phỏp luật.

Tròn đõy chỳng ta đó tỏm hiểm những nhiệm vụ chung của phụng kế toán - tài vụ. Bờn cạnh nhiệm vụ chung đó cò nhõn vờn kế toán cũn cú những nhiệm vụ rờng tuy theo phần hành quản lý của mỏnh. Cụ thể là:

- Kế toán trưởng: cú nhiệm vụ kiểm tra, giorm sốt mọi số liệu tròn sổ sách kế toán, đụn đốc cò bộ phận kế toán chấp hành đỳng đắn cò quy định, chế độ kế toán nhà nước ban hành. Kế toán trưởng cũng là người cung cấp cò thụng tin kế toán cho giorm đốc và cò cơ quan hữu quan đồng thời chịu trỏch nhiệm trước phỏp luật về cò số liệu đó cung cấp. Chịu trỏch nhiệm kế hoạch tài chính hàng năm và tổ chức phõn tóch hiệu quả tài chính để rýt kinh nghiệm cho cò năm sau.

- Phú phụng tài vụ kiỏm kế toán TSLĐ và XD CB: Cú trỏch nhiệm giải quyết những cung việc khi kế toán trưởng đi vắng đồng thời là người thực hiện cung việc hạch toán về cò phần hành liờn quan tới TSLĐ & XD CB.

- Phú phụng tài vụ phụ trỏch kế toán thuế - tìu thụ: Chịu trỏch nhiệm theo dừi tỏnh hỏnh tìu thụ sản phẩm và cò nghĩa vụ đúng thuế với nhà nước và cơ quan hữu quan.

- Kế toán tổng hợp và ngỏn hàng: Cú trỏch nhiệm làm bảo cò kế hoạch lập sổ cỏi, tổng hợp cò số liệu kế toán từ cò bộ phận để lập bảo cò

tài chính trong cùng ty theo định kỳ, kế toán ngân hàng theo dư tài khoản của cùng ty tại Ngân hàng thụng qua giấy bảo Nợ, bảo Cú của ngân hàng, cò uỷ nhiệm chi, điện chuyển tiền, viết sộc, lập cò bảng nộp sộc, mở thư tón dụng (L/C) để nhập khẩu hàng húa, lập cò chứng từ khỏ cú liờn quan...

- Kế toán TSCĐ: Cú nhiệm vụ theo dư giỏm sỏt sự biến động tăng giảm TSCĐ và tónh toán khấu hao TSCĐ trong cùng ty theo chế độ đề xuất cò biện phỏp sử dụng, thanh lý cho hiệu quả sản xuất.

- Kế toán tiền lương và cò khoản trích theo lương: Theo dư tónh toán tiền lương, tiền thưởng, cò khoản BHXH, BHYT, KPCĐ và thanh toán cho cò bộ cùng nhõn viờn.

- Kế toán vật tư: Hạch toán tổng hợp và chi tiết tởnh hỡnh nhập, xuất, tồn kho nguỳn vật liệu, cùng cụ dụng cụ, gia cùng chế biến nguỳn vật liệu. Kiểm tra thủ tục, chứng từ và viết cò phiếu nhập kho, xuất kho vật tư, nguỳn liệu. Xỏc định số tồn kho về số lượng và giỏ trị, đối chiếu với số liệu của thủ kho. Lập danh mục cùng cụ lao động và phõn bổ cùng cụ lao động vào chi phỏ sản xuất kinh doanh.

- Kế toán tời thụ sản phẩm: Cú nhiệm vụ tổ chức theo dư đầy đủ, kịp thời và giỏm sỏt chặt chẽ về tởnh hỡnh hiện cú và sự biến động của từng loại sản phẩm trờn cò mặt hiện vật cũng như giỏ trị. Theo dư quỏ trỡnh tời thụ sản phẩm, cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán tổng hợp.

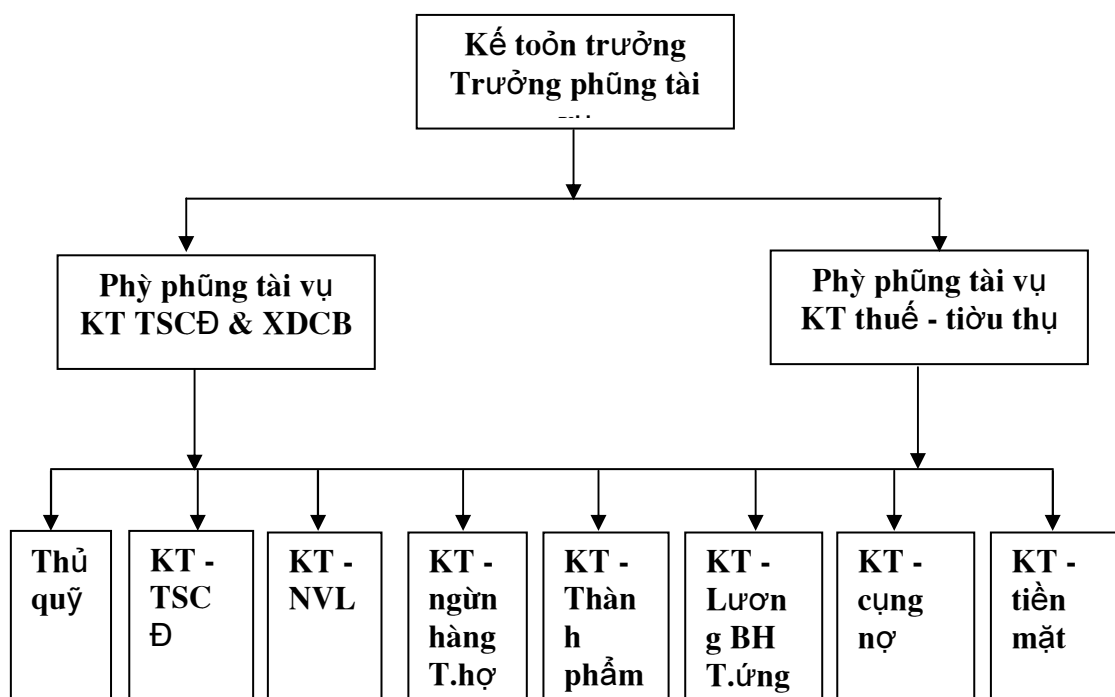
- Kế toán tiền mặt: Theo dư sự biến động tăng giảm tiền mặt cú tại quỹ của doanh nghiệp, giỏm sỏt cò nghiệp vụ thanh toán bằng tiền mặt. Lờn bảo cỏ và sỏ chi tiết phự hợp để tiện cho việc theo dư đối chiếu với sỏ tổng hợp.

- Thủ quỹ: Là người duy nhất trong cùng ty được quản lý chõa khoỏ kỏt và mở kỏt khi cần thiết. Cú trỏch nhiệm thu chi tiền mặt, bảo quản tiền mặt tại quỹ của cùng ty. Ngoài ra thủ quỹ phải thực hiện kiểm kờ đối chiếu hàng ngày giữa số tồn quỹ theo sỏ kế toán và số tồn thực tế trong kỏt.

• Kế toán cung nợ: Có nhiệm vụ theo dõi các khoản cung nợ và tổng hợp thanh toán cung nợ với các nhà cung cấp và khách hàng. Theo dõi toàn bộ cung ứng thanh toán bao gồm thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản. Kiểm tra các chứng từ thanh toán lập các phiếu chi phiếu thu...

Có thể khởi đầu về cung ứng tổ chức phân kế toán theo sơ đồ sau: Sơ đồ 2.

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức phân kế toán tại công ty TNHH Hải Châu



3.3. Tổ chức hạch toán kế toán.

* Chế độ chứng từ kế toán: Công ty sử dụng hầu hết các chứng từ kế toán do Bộ Tài chính ban hành thống nhất trong cả nước từ 1 - 1 - 1996 (Quyết định số 1141 TC(CĐKT ngày 1 - 11 - 1995)). Nhưng cũng tùy theo từng phần hành cụ thể mà bộ phận kế toán áp dụng các chứng từ phù hợp với phần hành đó. Ví dụ khi hạch toán về tiền mặt thì kế toán cần phải viết phiếu, chỉ là các đơn hàng, giấy đề nghị cho tạm ứng, các đơn hàng... Cách thức ghi vào các chứng từ về cơ bản là giống như chế độ do ban hành hướng dẫn cho các doanh nghiệp (yếu tố cần thiết), tuy nhiên để cụ thể hơn cho các bộ phận phân ban và các bộ phận khác trong công ty

thờ trong một số chứng từ của cùng ty cú thờm yếu tố bổ sung. Đặc biệt khi hạch toán về NVL kế toán thường sử dụng thờm cốc chứng từ do BTC hướng dẫn ví dụ như phiếu xuất vật tư theo hạn mức, biên bản kiểm nghiệm, phiếu bảo vật tư cũn lại cuối kỳ... thường thờ chứng từ được sử dụng trong cùng ty được viết thành ba liờn: Liờn màu tím (màu đen) dụng để lưu, liờn màu đỏ dụng để giao cho khách hàng, liờn màu xanh dụng để giao cho thủ quỹ hoặc thủ kho ghi sổ sau đó được chuyển cho kế toán. Để biết cụ thể hơn về cốc chứng từ cùng ty đang sử dụng và cốc chứng từ khụng được ỏp dụng tại cùng ty cú thể xem thờm ở phần.

Như vậy cùng ty sử dụng hầu hết cốc chứng từ: Lao động, tiền lương, hàng tồn kho, bản hàng, tiền tệ và TSCĐ chỉ cú một số chứng từ hướng dẫn cùng ty khụng sử dụng như phiếu bảo làm giờ, hợp đồng giao khoỏn. Thờm vào đó là một số chứng từ cùng ty khụng sử dụng đến đo đặc điểm sản xuất của cùng ty như hoỏ đơn cho thuê nhà, hoỏ đơn bản vàng bạc đồ quý, hoỏ đơn khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành, bảng kê vàng bạc đồ quý.

* Hệ thống tài khoản sử dụng tại cùng ty: Cùng ty sử dụng hầu hết cốc tài khoản đó được ban hành trước đây và một số tài khoản bổ sung theo thụng tư số 105/2003/TT - BTC ngày 04/11/2003 của Bộ tài chính (từ Tài khoản loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, loại 6, loại 7, loại 8, loại 9 và cốc tài khoản ngoài bảng). Hiện nay cùng ty vẫn chỉ để số hiệu tài khoản ở cấp hai chứ chưa chi tiết nhỏ hơn mặc dự trong một số trường hợp là cần thiết. Ví dụ như khi xuất NVL cho cốc phõn xưởng thờ lại khụng cú số hiệu tài khoản riêng của từng phõn xưởng mà chỉ ghi chung một số hiệu và ghi chỳ bên cạnh. Bên cạnh đó, cùng ty Bỏnh kẹo Hải Chõu là cùng ty sản xuất do đó cốc tài khoản được dụng trong xây lắp chủ yếu là khụng sử dụng đến (ví dụ như TK 337), hay cốc tài khoản dụng trong trường hợp doanh nghiệp hạch toán theo phương pháp KKĐK như TK611, TK631... thờ cùng ty cũng khụng sử dụng.

* Hõnh thức sổ kế toán sử dụng ở cùng ty: Cùng ty sử dụng cả sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Do đặc thự của cùng ty là một doanh

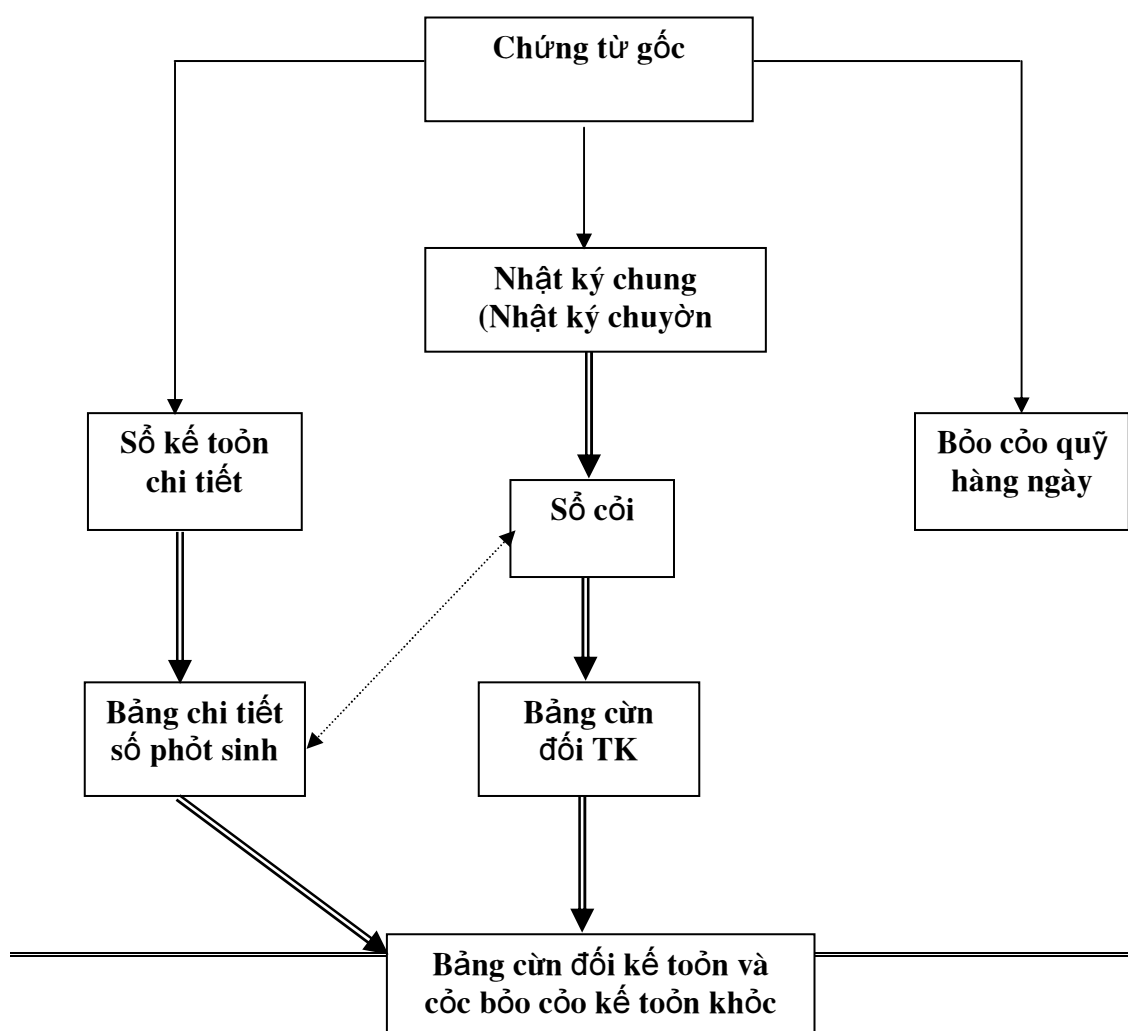
ngành vừa có số lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều, yêu cầu quản lý cao, trình độ nhân viên kế toán cao và thường sử dụng máy vi tính vào kế toán nên sổ tổng hợp được áp dụng tại công ty là sổ nhật ký chung và vào sổ cái cho các tài khoản. Ngoài ra chúng sử dụng các loại sổ NK đặc biệt là với hình thức này có đặc điểm:

Tách rời trình tự ghi sổ theo thời gian với trình tự ghi sổ phân loại theo hệ thống toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh để ghi vào 2 sổ kế toán riêng biệt là sổ NKC và sổ cái.

Tách rời việc ghi chép kế toán tổng hợp với kế toán chi tiết để ghi vào 2 loại sổ kế toán là sổ kế toán tổng hợp và chi tiết.

Cuối tháng phải lập bảng cân đối TK để kiểm tra chính xác của việc ghi chép ở các TK tổng hợp.

Sơ đồ 3: Quá trình hạch toán trên hệ thống sổ kế toán mở theo hình thức Nhật ký chung.



Qua sơ đồ tròn có thể hiệu chỉnh tự ghi sổ tổng hợp của cộng ty như sau: Căn cứ vào chứng từ kế toán đó được kiểm tra kế toán viên tiến hành ghi sổ, định khoản và vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu của Nhật ký chung hàng ngày chuyển sang sổ cái cho những tài khoản tương ứng.

Cộng ty cũng sử dụng sổ kế toán chi tiết theo quy định của chế độ hiện hành. Tuy nhiên do đặc thù của cộng ty là doanh nghiệp sản xuất nên có một số sổ thường xuyên được sử dụng tại cộng ty như:

Sổ chi tiết vật liệu, sản phẩm, hàng hóa.

Thẻ kho.

Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Dùng cho các tài khoản 621, 622, 627, 154, 641, 642, 142, 335).

Khi ghi vào các sổ kế toán ghi tiết này kế toán viên cũng phải căn cứ vào các chứng từ gốc để vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết. Cuối kỳ kế toán sẽ tiến hành lập bảng tổng hợp chi tiết cho từng tài khoản .

Vào cuối kỳ bộ phận kế toán cộng ty sẽ thực hiện khoả sổ kế toán tính ra số dư cuối kỳ tròn sổ cái và đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết. Khi lập bảng cân đối phát sinh thờ kế toán dựa trên cơ sở số liệu của sổ cái, cũng khi lập báo cáo kế toán thờ dựa trên cơ sở lập bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết.

* Tổ chức luân chuyển chứng từ: Nhìn chung chế độ luân chuyển chứng từ tại cộng ty cũng khụng có gì khác so với quy chỉnh của chế độ kế toán nú cũng bao gồm các giai đoạn chủ yếu sau:

Lập chứng từ: Khi lập các chứng từ cũng tự theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ mà kế toán sử dụng chứng từ thích hợp. Ví dụ như khi xuất nhập vật tư thờ phải sử dụng phiếu nhập vật tư và phiếu xuất vật tư...

Kiểm tra chứng từ: Đây là công việc quan trọng và phải thực hiện ngay sau khi nhận được chứng từ (Cụ thể cần kiểm tra về các yếu tố của chứng từ, chữ ký của người có liên quan, tính chính xác của số liệu trên chứng từ).

Sử dụng chứng từ: Chứng từ được sử dụng để cung cấp thông tin cần thiết cho công việc nghiệp vụ, lập định khoản kế toán và vào sổ kế toán.

Chuyển chứng từ vào lưu và hủy: Sau khi ghi sổ và kết thúc kỳ hạch toán chứng từ được chuyển sang lưu trữ, bảo đảm an toàn. Khi kết thúc thời hạn thanh toán chứng từ được đem hủy.

II. THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN VẤN ĐỀ NVL TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU.

1. Đặc điểm NVL và quản lý NVL tại Công ty

* Đối với NVL.

Công ty Bánh Kẹo Hải Châu là một doanh nghiệp sản xuất hàng thực phẩm với nhiều chủng loại bánh, kẹo khác nhau, do đó lượng NVL tiêu hao cho sản xuất là rất lớn. Công ty sử dụng rất nhiều loại NVL như bột mỳ, đường, sữa... hầu hết NVL ở công ty đều thuộc hàng thực phẩm có tính chất lý, hóa rất khác nhau, thời gian sử dụng ngắn, mang tính thời vụ phụ thuộc rất lớn vào điều kiện mùa trường, điều kiện bảo quản. Do vậy công tác quản lý NVL ở công ty được thực hiện rất chặt chẽ trên tất cả các mặt nhằm vừa đảm bảo chất lượng NVL, lại vừa bảo đảm tính tiết kiệm, tính hiệu quả trong sử dụng, hạn chế đến mức thấp nhất việc hư hỏng, thất thoát vật liệu.

Công tác quản lý NVL ở công ty được thực hiện ở tất cả các khâu từ thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng.

Ở khâu thu mua: Do sản xuất nhiều loại sản phẩm nhu cầu sử dụng vật tư lớn, đa dạng về chủng loại và đòi hỏi cao về chất lượng nên tất cả vật liệu của công ty đều được mua theo kế hoạch. Vật liệu trước khi nhập về kho đều được kiểm tra chặt chẽ về mặt số lượng, chất lượng và chủng loại.

Ở khâu bảo quản: Do số lượng và chủng loại vật tư lớn và yêu cầu cao về mặt chất lượng nên việc bảo quản NVL ở công ty rất được chú trọng.

Cung ty đó xây dựng hệ thống kho bảo quản bao gồm kho nguyên vật liệu chính, kho hương liệu và vật liệu phụ. Cốc kho đều cú thủ kho trực tiếp quản lý và cốc hệ thống thiết bị bảo quản trong kho tương đối đầy đủ như xe đẩy, cốc thiết bị phũng chống chỏy nổ... nhằm đảm bảo an toàn một cốc tối đa cho vật liệu trong kho.

Ở khâu dự trữ: tất cả cốc loại vật liệu trong cung ty đều được xây định mức dự trữ tối đa, tối thiểu. Cốc định mức này được lập bởi phũng kỹ thuật để đảm bảo quả trởnh sản xuất vừa được tiến hành liờn tục vừa trởnh tởnh trạng mua nhiều dẫn đến tởnh trạng ứ đọng vốn...

Ở khâu sử dụng: Do chi phớ NVL chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phớ nờn để tiết kiệm NVL cung ty đó cố gắng thực hiện hạ thấp định mức tiờu hao mà vẫn bảo đảm chất lượng sản phẩm. Việc sử dụng NVL ở cốc xớ nghiệp được quản lý theo định mức. Cung ty khuyến khớch cốc xớ nghiệp sử dụng NVL một cốc tiết kiệm, hiệu quả và cú chế độ khen thưởng thớch hợp cho cốc xớ nghiệp sử dụng cú hiệu quả NVL trong quả trởnh sản xuất.

* Đối với CCDC.

Cụng cụ dụng cụ là những tư liệu rất quan trọng đối với quả trởnh sản xuất sản phẩm của cung ty. Quản lý CCDC cũng trải qua cốc khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng như NVL nhưng do đặc tónh của CCDC là tư liệu lao động nờn khụng yờu cầu cao về điều kiện bảo quản như NVL. Để sử dụng CCDC một cốc cú hiệu quả và thuận tiện Cung ty cũng đó xây dựng cốc kho để bảo quản và lưu trữ CCDC như kho bao bớ, kho kim khớ (phục vụ sửa chữa nhỏ), kho phụ tợng thay thế. Cũng như NVL, khi sử dụng CCDC ban lớnh đạo yờu cầu cốc nhõn viờn trong cung ty luận phải tiết kiệm và thận trọng trong quả trởnh sử dụng nhằm mục đớch sử dụng dụng cụ được liờu bền, trởnh lớng phớ.

2. Phõn loại và tónh giỏ NVL

2.1. Phõn loại NVL

Để phân loại NVL có rất nhiều cách khác nhau ví dụ như: Phân loại theo vai trò của NVL hay phân loại theo nguồn thu nhập... mỗi một cách lại có ưu điểm, nhược điểm riêng. Tuy nhiên, cũng tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh của từng công ty mà có chính sách quản lý, phân loại NVL cho phù hợp. Công ty bột kẹo Hải Châu có lượng NVL nhập khẩu không nhiều nên NVL không phân theo nguồn nhập mà được phân chủ yếu theo vai trò, tác dụng của chúng trong sản xuất, NVL trong công ty được phân làm các loại sau:

Nguyên vật liệu chính: Là các loại vật liệu chủ yếu hình thành nên sản phẩm như bột mỳ, đường, tinh dầu...

Nguyên vật liệu phụ: Là những loại vật liệu tuy không cấu thành nên thực thể sản phẩm nhưng có tác dụng làm đẹp và nâng cao hình thức, chất lượng sản phẩm như: Bao gói, keo, băng dính, phẩm màu...

Nhiên liệu: Bao gồm dầu, than đá, điện, xăng... cung cấp nhiệt lượng cho sản xuất cũng như sử dụng cho các hoạt động khác trong công ty.

Phụ tùng thay thế: như vòng bi, dây curoa... phục vụ cho việc thay thế, sửa chữa thiết bị.

Vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản: là những vật liệu phục vụ cho mục đích xây dựng tại công ty gạch, vôi... nhưng những vật liệu này rất ít khi sử dụng đến do đặc thù kinh doanh của công ty.

Phế liệu: như bao dứa, nilon, thùng carton.

Các vật liệu khác: Các vật liệu này chủ yếu phục vụ cho sửa chữa như mốp múc, sắt thép...

Cách phân loại này nói chung là phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, công ty vẫn chưa xây dựng sổ danh mục NVL và việc đặt mua vật tư theo chữ số nhiều khi sẽ khó khăn trong việc hạch toán do số lượng vật tư quá nhiều nên không thể nhớ chính xác hết các tồn gọi vật tư nhất là những loại vật tư ít được sử dụng.

* Phân loại CCDC.

Để quản lý tốt CCDC thờ cúng ty phồn loại CCDC theo các loại sau:

Dụng cụ đồ dựng khuôn mẫu, đục...

Đồ dựng dụng cụ quản lý (bàn, ghế, tủ, ấm chôn...)

Đồ dựng dụng cụ phụng hộ lao động: Quần áo, giày dép...

Ngoài ra có một số tư liệu lao động khụng phồn biệt giỏ trị và thời gian sử dụng được hạch toán vào CCDC như dụng cụ quản lý đồ dựng văn phụng, dụng cụ đồ nghề thủy tinh...

2.2. Tórch giỏ NVL

Ở cúng ty việc tórch giỏ NVL cũng như CCDC đều được sử dụng theo những cúng thức tương tự nhau. NVL tại cúng ty được tórch theo nguyên tắc giỏ thực tế (giỏ gốc) đặng quy định chuẩn mực kế toán hiện hành.

* Đối với NVL nhập kho:

NVL ở cúng ty chủ yếu là do mua ngoài (trong đó có một số NVL được nhập khẩu nhưng con số này khụng nhiều), và có một phần nhỏ NVL là do thuê ngoài gia cúng chế biến. Với cách tórch cụ thể như sau:

@ Đối với NVL mua ngoài nhập kho thờ giỏ thực tế bao gồm:

$$\begin{array}{lclcl}
 \text{Giỏ thực} & & \text{Giỏ mua thực} & & \\
 \text{tế NVL} & = & \text{tế ghi tròn ho} & & \\
 \text{mua ngoài} & & \text{đơn (khụng} & + & \text{Chi ph} & & \text{Chiết khấu} \\
 & & \text{bao gồm thuế} & & \text{ph} & & \text{thương mại,} \\
 & & \text{GTGT nhưng} & & \text{dĩ.} & & \text{giảm giỏ} \\
 & & \text{c} & & \text{- Tiền cúng tộc ph} & & \text{(nếu c)} \\
 & & \text{ả cả thuế} & & \text{- Chi ph} & & \\
 & & \text{nhân khẩu nếu} & & \text{ph} & & \\
 & & & & \text{của bộ phận thu} & & \\
 & & & & \text{mua} & &
 \end{array}$$

Vớ dụ 1: ngày 05.03.2005, cúng ty mua của Cúng ty cổ phần thực phẩm Đại Lộc 20,000kg bột mỡ loại 1, đơn giỏ chưa có thuế GTGT là 3,760đ/1kg. Cúng ty Đại lộc giao hàng đến tận kho của cúng ty nờn đơn giỏ này đó bao gồm cả chi ph vận chuyển. Sau khi kiểm tra về số lượng và chất lượng giỏ thực tế của bột mỡ loại 1 nhập kho là:

$$20,000 \times 3,760 = 75,200,000 \text{ đồng}$$

Ví dụ 2: Ngày 10.03.2005, Công ty mua 50,000 hộp băng dính nhỏ của công ty TNHH Hà Phát, đơn giá chưa có thuế GTGT là 1,198. Chi phí vận chuyển hàng về kho là 200,000 đ. Sau khi kiểm tra chất lượng và số lượng của hàng trên tờ giấy thực tế của hàng được xác định là:

$$50,000 \times 1,198 + 200,000 = 60,100,000 \text{ đồng}$$

@ Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL thuê} \\ \text{ngoài gia công CB} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá TT của NVL xuất} \\ \text{đề thuê GCCB} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí từ DN đến nơi} \\ \text{Gia công và ngược lại} \end{array} +$$

Tiền thuê gia công
chế biến phải trả

Ví dụ 3: Ngày 07.03.05 Công ty thuê ngoài gia công chế biến cuộn bao bố cắt ngắn thành túi đựng sản phẩm. Với giá thực tế xuất của NVL đề mang đi gia công là 11,255,000 đồng. Chi phí vận chuyển là 457,500 đồng. Tiền thuê gia công chế biến là 7,803,000 đồng. Sau khi gia công thu được 56,275 túi đựng, đơn giá cho mỗi túi là 346,78 đồng/túi. Tổng giá thực tế của NVL xuất gia công chế biến là:

$$11,250,000 + 457,500 + 7,803,000 = 19,510,500 \text{ đồng}$$

* Đối với NVL xuất kho:

Giá thực tế NVL xuất kho tại Công ty được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền. Phương pháp này được tính cho từng loại vật tư cụ thể. Cuối tháng, kế toán vật tư tiến hành tổng hợp giá trị NVL tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ của từng danh điểm NVL sau đó xác định đơn vị bình quân cho cả kỳ dự trữ. Kế toán căn cứ vào đơn giá bình quân và số lượng NVL xuất trong kỳ của từng loại vật liệu để xác định giá trị của từng loại vật liệu xuất dụng trong kỳ.

Giỏ đơn vị bình quân
cả kỳ dự trữ =

$$\frac{\text{Giỏ thực tế NVL, CCDC tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ và nhập kho trong kỳ}}$$

Dưới đây là các ví dụ về xuất kho NVL trong thông của công ty, qua đó ta có thể hiểu rõ hơn phương pháp tính giá vật tư xuất kho trong kỳ như sau:

Ví dụ 1: Trong thông 3 năm 2005 Công ty tính giá trị Bột mỳ loại 1 xuất kho như sau:

Số lượng bột mỳ loại 1 tồn đầu kỳ là 35,896,89 kg. Đơn giá là 3,755đ/kg giá trị bột mỳ tồn đầu kỳ là 139,792,822 đồng.

Số lượng bột mỳ loại 1 nhập trong kỳ là 98,569kg. Giá trị bột mỳ nhập trong kỳ là 409,062,522 đồng.

$$\begin{aligned} \text{Giá đơn vị BQ cả kỳ} \\ \text{Dự trữ của bột mỳ loại 1} &= \frac{139,792,822 + 409,062,522}{35,896,89 + 98,569} = \\ &4,044,55\text{đ/kg} \end{aligned}$$

Số lượng bột mỳ loại 1 xuất là 81,827,5kg, giá xuất kho là 4,044,55 đ/kg. Do đó giá trị bột mỳ loại 1 xuất kho là: 81,827,5 x 4,044,55 = 330,955,415

Ví dụ 2: Trong thông 3 năm 2005 Công ty tính giá băng dính nhỏ như sau:

Số lượng băng dính nhỏ tồn đầu kỳ là 85,000 cuộn, đơn giá mỗi cuộn là 1,099đ/cuộn. Giá trị của băng dính nhỏ tồn đầu kỳ là 93,415,000 đồng. Số lượng băng dính nhập trong kỳ là 250,000 cuộn. Giá trị băng dính nhập trong kỳ là 290,388,000 đồng.

$$\begin{aligned} \text{Giá đơn vị BQ cả kỳ} \\ \text{Dự trữ của cuộn băng dính nhỏ} &= \frac{93.415.000 + 290,388,000}{85,000 + 250,000} = \\ &1,145,68\text{đ/cuộn.} \end{aligned}$$

Số lượng băng dính nhỏ xuất kho cho sản xuất trong tháng là 200,000 cuộn, do đó giá trị băng dính xuất kho sẽ là: $200,000 \times 1,145.68 = 229,136,000$ đồng.

3. Tổ chức chứng từ hạch toán NVL tại cty

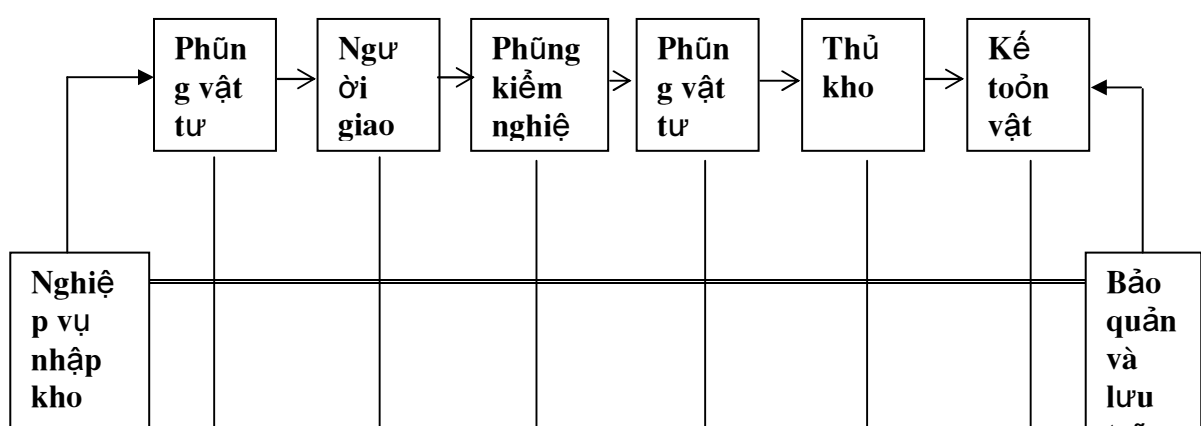
Cả NVL trong cty đều được sử dụng những chứng từ có hình thức tương tự nhau, do đó ta có thể tóm tắt chung việc tổ chức chứng từ như sau:

* Đối với NVL nhập kho

@ Đối với NVL mua ngoài:

Căn cứ vào nhu cầu dự trữ và sử dụng NVL của các phòng ban khác trong tháng, phòng kế hoạch lập kế hoạch mua NVL. Sau đó viết giấy đề nghị lên Tổng giám đốc (TSGĐ) để chờ duyệt. Còn bộ phận kế hoạch sẽ có nhiệm vụ lấy giấy bảo giá về kho TGD, nếu giá cả và chất lượng phù hợp với điều kiện sản xuất của Cty thì TGD tiến hành viết hợp đồng mua bán và hợp đồng nguyên tắc rồi giao cho bộ phận kế hoạch đi mua hàng. Hợp đồng mua bán đó được lập giữa hai cty được làm căn cứ để nhận hàng. Khi hàng về, bộ phận kiểm nghiệm sẽ kiểm nghiệm về số lượng và chất lượng của hàng. Kết quả kiểm nghiệm sẽ được ghi vào biên bản kiểm nghiệm vật tư. Dựa vào hoá đơn GTGT và biên bản kiểm nghiệm phòng kế hoạch tiến hành lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên: 1 liên lưu ở phòng kế hoạch, 1 liên thủ kho giữ để làm căn cứ ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán vật tư làm căn cứ ghi sổ, còn 1 liên sẽ được bộ phận mua chuyển cho kế toán thanh toán cùng với hoá đơn GTGT để làm căn cứ thanh toán cho khách hàng và ghi sổ.

Quy trình luân chuyển chứng từ trên được thể hiện qua sơ đồ dưới đây: Sơ đồ 4.



Ví dụ: khi nhập hàng theo hoá đơn (GTGT) số 1055 (biểu 1) của công ty cổ phần thực phẩm Đại Lộc ngày 05.03.05 phải kế hoạch tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm số 30 (biểu 2) và lập phiếu nhập kho số 11 (biểu 3) như sau:

Biểu 1: Hoả đơn giá trị gia tăng của vật tư mua vào

HOÁ ĐƠN GTGT					
Lìon 2 (giao khách hàng)					
Ngày 05 tháng 03 năm 2005 Số: 1055					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thực phẩm Đại Lộc					
Địa chỉ: 146- Hoài Đức - Hà Tây				Số TK:.....	
Điện thoại:.....				MS:.....	
Họ tên người mua hàng: Anh Hải					
Đơn vị: Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu					
Địa chỉ: 15 - Mạc Thị Bưởi - HBT - HN				Số TK:.....	
Hình thức thanh toán: Trả chậm				MS:.....	
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Bột mỗ loại 1	Kg	20,000	3,760	75,200,000
2	Bột mỗ loại 2	Kg	15,000	3,556	53,340,000
Cộng tiền hàng:					128,540,000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 12,854,000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					141,394,000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng					
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Đối với trường hợp nhập CCDC là băng dính nhỏ trong thông cũng sử dụng mẫu hoá đơn giá trị gia tăng tròn. Trước khi nhập kho số hàng mua về này, ban kiểm nghiệm cũng sẽ tiến hành kiểm nghiệm quy cách phẩm chất của sản phẩm và ghi vào biên bản kiểm nghiệm giống như trường hợp của NVL nhập kho, rồi mới lập phiếu nhập kho cho sản phẩm (biểu 4).

Biểu 2: Biên bản kiểm nghiệm vật tư của vật tư mua vào.

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ					SỐ 30		
<p>Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 033726 ngày 20 tháng 02 năm 2005 của Công ty cổ phần bình kẹo Hải Châu và công ty cổ phần thực phẩm Đại Lộc.</p> <p>Ban kiểm nghiệm vật tư gồm có:</p> <p>Ông: Nguyễn Quang Thắng - Trưởng ban</p> <p>Ông: Hoàng Bỉnh Minh - Ủy viên</p> <p>Bà: Lò Ngọc Lan - Ủy viên</p> <p>Đó kiểm nghiệm loại vật tư dưới đây:</p>							
STT	Mô vật tư	Tên sản phẩm	ĐVT	SL theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					SL định quy cách phẩm chất	SLkhung định quy cách phẩm chất	
A	B	C	D	1	2	3	E
1	010001	Bột mỳ loại 1	Kg	20,000	20,000	0	
2	010002	Bột mỳ loại 2	Kg	15,000	15,000	0	
<p>Kết luận của ban kiểm nghiệm vật tư: Vật tư đạt tiêu chuẩn nhập kho</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 10px;"> <div style="text-align: center;"> <p>Ủy viên</p> <p>(Ký, họ tên)</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>Ủy viên</p> <p>(Ký, họ tên)</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>Trưởng ban</p> <p>(Ký, họ tên)</p> </div> </div>							

Phiếu nhập kho của công ty lập để phục hợp với yêu cầu quản lý của công ty minh và thuận tiện cho công tác hạch toán. Với vậy trong phiếu nhập kho của công ty đó tách giá trị thực tế nhập kho của NVL, thuế GTGT đầu vào. Do đó kế toán thanh toán cũng như kế toán vật tư sẽ dễ dàng hơn trong việc hạch toán thanh toán cũng như hạch toán vật tư với khi đủ giá trị thực tế

của vật tư nhập, thuế GTGT và tổng giá thanh toán đó được xác định rõ ràng.
Cụ thể phiếu nhập kho của sản phẩm mua về được viết theo mẫu sau:

Biểu 3: Phiếu nhập kho của NVL mua vào trong kỳ.

CTCP bnh kyo Hải Châu	PHIẾU NHẬP KHO	Mẫu số 01 - VT			
15 Mạc Thị Bưởi HBT - HN		Theo QĐ:1141 -			
TC/QĐ/CĐKT					
	Ngày 1 - 11 - 1995 của BTC				
Ngày 05 tháng 03 năm 2005	Nợ TK 1521	Số 11			
	Cú TK 331				
Người nhận hàng: Chị Lan					
Theo hợp đồng số 05 ngày 01 - 02 - 2005 của cng ty CP bnh kyo Hải Châu & CT cổ phần Đại Lộc.					
Nhập tại kho: Anh Hải					
STT	Tồn hàng hoỏ dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Bột mỡ loại 1	Kg	20,000	3,760	75,200,000
2	Bột mỡ loại 2	Kg	15,000	3,556	53,340,000
Số tiền bằng chữ: Một trăm hai tmm triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng					
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Phụ trách cung tiou	Người giao hàng	Thủ kho	
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ	tên)

Biểu 4: Phiếu nhập kho của băng dính nhỏ mua vào trong kỳ

CTCP bnh kyo Hải Châu	PHIẾU NHẬP KHO	Mẫu số 01 - VT			
15 Mạc Thị Bưởi HBT - HN		Theo QĐ:1141 -			
TC/QĐ/CĐKT					
	Ngày 1 - 11 - 1995 của BTC				
Ngày 05 tháng 03 năm 2005	Nợ TK 1521	Số 11			
	Cú TK 331				
Người nhận hàng: Chị Hằng					
Theo hợp đồng số 05 ngày 01 - 02 - 2005 của cng ty CP bnh kyo Hải Châu & CT cổ phần Đại Lộc.					
Nhập tại kho: Anh Hưng					
STT	Tồn hàng hoỏ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền

	dịch vụ				
A	B	C	1	2	3
1	Bảng đánh nhỏ	hộp	50,000	1,198	59,900,000
	Cộng				59,900,000

Cộng tiền vận chuyển là: 200,000

Tổng số tiền bằng chữ: Số mười triệu một trăm ngàn đồng

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Phụ trách cung tiêu Người giao hàng Thủ kho
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

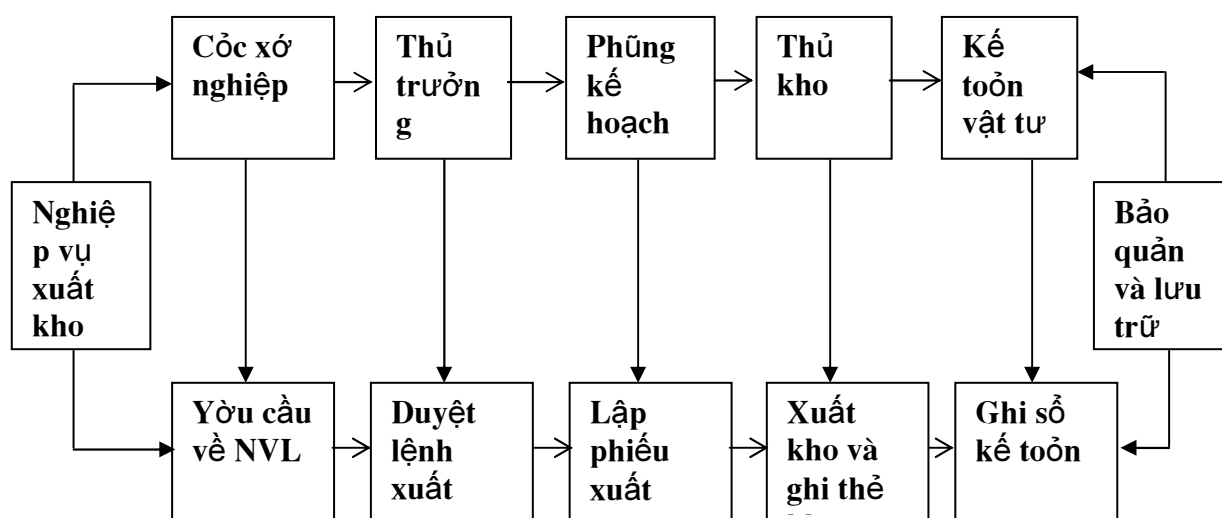
@ Đối với vật tư thuê ngoài gia công chế biến: Trong trường hợp này
thờ việc lập chứng từ và cộc quy trỡnh luồn chuyển chứng từ cũng giống như
trường hợp vật tư mua ngoài.

* Đối với NVL xuất kho:

Cộc trường hợp xuất kho của NVL trong cụng ty chủ yếu là xuất vật tư
sử dụng cho sản xuất. Khi cộc xớ nghiệp sản xuất cú nhu cầu vật tư, phũng kế
hoạch sẽ lập phiếu xuất kho gồm 3 liờn: 1liờn lưu ở phũng kế hoạch, 1 liờn do
bộ phận sử dụng giữ, cũn 1 liờn thủ kho giữ để ghi thẻ kho và sau đú chuyển
cho phũng tài vụ.

Do cụng ty ỏp dụng phương pháp giỏ bõnh quõn cả kỳ dự trữ cho NVL
xuất kho nờn giỏ trị của NVL xuất kho sẽ khụng được ghi vào phiếu xuất kho.
Đến cuối thõng thờ gia trị NVL,CCDC xuất kho mới tónh được và ghi vào sổ
chi tiết xuất vật tư và bảng tập hợp nhập - xuất - tồn. Quy trỡnh xuất vật tư
trong cụng ty cụ thể húa như sơ đồ 5 dưới đõy.

Sơ đồ 5: Quy trỡnh luồn chuyển chứng từ xuất kho NVL.



Vớ dụ: Trong thông 3 cú cởc nghiệp vụ xuất kho NVL để sản xuất cho bởnh kem xỏp 150g như sau:

Xuất kho bột mỡ loại 1 với số lượng là 1300kg đơn giỏ là 4,044,55đ/kg.

Xuất sữa bộc cởc loại là 200kg đơn giỏ là 30,025,22đ/1kg

Đường trắng cởc loại là 1,900kg với đơn giỏ là 4,507,32đ/1kg

Dầu Shortening cởc loại là 650kg với đơn giỏ là 8,765,25đ/1kg

Dầu đậu nành là 120kg với đơn giỏ là 13,987,52đ/1kg

Hộp carton kem xỏp 5,1kg là 1000 hộp đơn giỏ là 3927,59đ/hộp

Tem kiểm tra chất lượng sản phẩm là 1000 cỏi đơn giỏ là 11,2đ/1cỏi

Xuất 7.000 cuộn băng dính nhỏ đơn giỏ là 1,145,68đ/1cuộn.

Nghiệp vụ xuất kho tròn được ghi vào cởc phiếu xuất kho của kho vật liệu chính, vật liệu phụ, và kho cụng cụ dụng cụ, vớ dụ phiếu xuất kho số 21 và phiếu xuất số 53. Cột đơn giỏ và thành tiền chỉ được lập vào cuối kỳ khi kế toán đó tởnh được giỏ bởnh quỏn của vật tư.

Biểu 5: Phiếu xuất kho cho sản phẩm của phỏn xưởng 2

CTCP bởnh kộo Hải Chỏu	PHIẾU XUẤT KHO	Mẫu số 02 - VT			
15 Mạc Thị Bưởi HBT - HN		Theo QĐ:1141 -			
TC/QĐ/CĐKT					
	Ngày 05 thông 03 năm 2005	Ngày 1 - 11 - 1995 của BTC			
		Nợ TK 6212 Số 1507			
		Cú TK 1521			
Người nhận hàng: Chị Hà					
Xuất cho phỏn xưởng bởnh 2					
Lý do xuất kho: Làm bởnh kem xỏp 150g					
Xuất tại kho: anh Hải					
STT	Mó vật tư	Tờn vật tư	Số lượng	Đơn giỏ	Thành tiền
1	010001	Bột mỡ loại 1	1,300	4,044,55	5,257,915

2	010005	Sữa bột cóc loại	200	30,025,22	6,005,044
3	010003	Đường trắng cóc loại	1,900	4,507,32	8,563,908
4	010007	Dầu Shortening cóc loại	650	8,765,25	5,697,413
5	010002	Dầu đậu nành	120	13,987,52	1,678,503

Thành tiền:

27,202,783

Số tiền bằng chữ: Hai bảy triệu hai trăm linh hai ngàn bảy trăm tám ba đồng

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Phụ trách cung tiêu Người giao hàng Thủ kho
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ
tên)

Biểu 6: Phiếu xuất kho cùng cụ cho sản xuất sản phẩm

CTCP bnh kẹo Hải Châu	PHIẾU XUẤT KHO	Mẫu số 02 - VT			
15 Mạc Thị Bưởi HBT - HN		Theo QĐ:1141 -			
TC/QĐ/CĐKT					
	Ngày 15 tháng 03 năm 2005	Ngày 1 - 11 - 1995 của BTC			
		Nợ TK 6212 Số 1507			
		Cú TK 1521			
Người nhận hàng: Chị Hà					
Xuất cho phõn xưởng bnh 2					
Lý do xuất kho: Làm bnh kem xốp 150g					
Xuất tại kho: anh Hựng					
STT	Mó vật tư	Tồn vật tư	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	061017	Băng dnh nh	7,000	1,145,68	8,019,760
	Cộng				8,019,760
Số tiền bằng chữ: Tám triệu khng trăm mười chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng					
Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Phụ trách cung tời Người giao hàng Thủ kho					
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	

Trong kỳ phũng kỹ thuật của cụng ty tiến hành tnh định mức vật tư sử dụng cho từng loại NVL và lập thành biểu vớ dụ như biểu số 7 dưới đây:

Biểu 7: phiếu lĩnh vật tư theo hạn mức

Cụng ty CP bnh kẹo Hải Châu					Số 55			
Số 15 - Mạc Thị Bưởi - HBT - HN								
PHIẾU LĨNH VẬT TƯ THEO HẠN MỨC					Nợ TK 6212			
Ngày 01 tháng 03 năm 2005					Cú TK 1521			
STT	Tồn vật liệu	Mó số	ĐVT	Hạn mức được lĩnh	Thực lĩnh			
					Số lượng	Ghi chý	Số lượng	Ghi chý
A	B	C	D	1	2	E	3	F
1	Bột mỡ loại 1	010001	kg	8570	8570			

2	Đường trắng	010003	kg	1780	1650			
	...							
		010008	Lót	50	45			

Phụ trách bộ phận sử dụng

Phụ trách cung tiêu

Thủ kho

Ký, họ tên

Ký, họ tên

Ký, họ tên

Ngoài trường hợp xuất kho vật tư cho sản xuất sản phẩm là chính, ở cùng ty cũn cú thòm trường hợp xuất NVL cho sửa chữa thường xuyên mỗy mức thiết bị. Thòm vào đó, cùng ty cũn cú bỏn vật tư nhưng với số lượng rất ớt. Cỏc trường hợp xuất NVL để tham gia liờn doanh và gúp vốn thờ hầu như khụng được ỏp dụng tại Cùng ty. Khi xuất kho phiếu xuất kho được lập ngay cho mỗi nghiệp vụ xuất, trong trường hợp bỏn vật tư thờ cú thòm cú hoỏ đơn giỏ trị gia tăng cho vật tư được bỏn.

4. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

Tại cùng ty cổ phần bẻnh kẹo Hải Chầu thờ việc tổ chức hạch toán chi tiết NVL cũng như CCDC đều sử dụng phương phỏp thẻ song song. Phương phỏp này được sử dụng để đơn giản cho việc ghi chỏp và thuận lợi cho cùng tỏc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết hoặc vào cuối kỳ.

* Tại kho: Khi phỏt sinh cỏc nghiệp vụ nhập, xuất kho NVL thủ kho căn cứ vào cỏc nghiệp vụ nhập, xuất để ghi vào thẻ kho hàng ngày số thực nhập và thực xuất. Thẻ kho được lập để theo dừi tẻnh hẻnh nhập - xuất - tồn của NVL về mặt số lượng hiện vật. Mỗi thẻ kho được mở cho một loại NVL, mỗi chứng từ ghi một dừng vào thẻ kho. Cuối thỏng thủ kho cộng thẻ kho đối chiếu với sổ kế toán chi tiết về mặt hiện vật (biểu số 8).

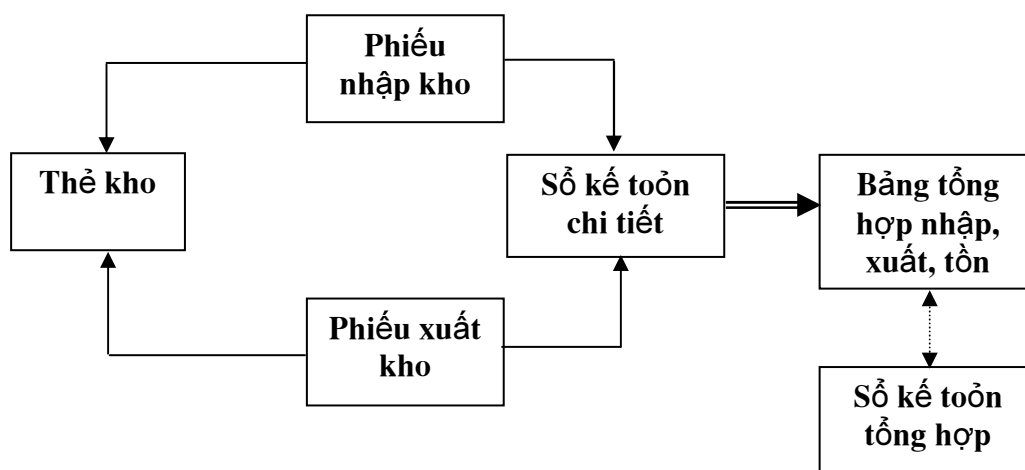
* Tại phũng kế toán: Mở sổ kế toán chi tiết NVL để theo dừi tẻnh hẻnh nhập - xuất - tồn kho NVL cả về số lượng hiện vật lẫn giỏ trị, mỗi trang sổ được theo dừi rẻnh cho từng loại vật tư. Ghi hàng ngày theo từng chứng từ nhập xuất (biểu số 9). Cuối thỏng cộng sổ kế toán chi tiết để đối chiếu với thẻ kho về mặt số lượng hiện vật để lập bảng tổng hợp Nhập - xuất - tồn. Trong bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn mỗi loại NVL chỉ được ghi một dừng vào

cuối tháng. Sau đó cộng bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn để đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp về mặt giá trị (biểu số 10).

* Tại các phân xưởng: Để đảm bảo cho công tác quản lý NVL được chặt chẽ và sử dụng chính xác hiệu quả, hàng ngày các nhân viên thống kê sẽ thống kê số lượng và chủng loại vật tư tiêu hao cho từng sản phẩm. Cuối tháng sau khi tổng hợp số liệu, các nhân viên thống kê căn cứ vào định mức tiêu hao NVL đã được xây dựng cho từng sản phẩm và số lượng thực tế tiêu hao để lập báo cáo vật tư cho mỗi loại sản phẩm của từng xí nghiệp.

Quá trình hạch toán chi tiết NVL được cụ thể hoá qua sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 6: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←.....→ Đối chiếu kiểm tra
- ====> Ghi định kỳ

Biểu số 8: Thẻ kho mở cho bột mỡ loại 1

CT CP Bệnh kẹo Hải chõu

THẺ KHO

Số 10001

15 -Mạc Thị Bưởi - HBT - HN

Ngày 01 tháng 03 năm 2005

Tồn vật tư: Bột mỡ loại 1

Đơn vị tónh: kg

Kho: Vật liệu chính

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Xóc nhận của kế toản
	Số hiệu	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
1		1/3	Tồn đầu tháng			35,896,89	
			Nhập từ CT Đại	20,000		55,896,89	
2			Lộc				
			Xuất cho PX bệnh		50,326	5,570,89	
3			1				
			Nhập từ CT Hà	31,203		36,773,89	
4			Phòt				
			Xuất cho PX bệnh		1,300	35,473,89	
			2				
			...				
			Cộng	98,569	81,827,5		
			Tồn cuối kỳ			52,638,39	

5. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu

Cộng ty bĩnh kẹo Hải Châu có số lượng vật tư tương đối lớn, nhiều chủng loại khác nhau nên Cộng ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp NVL nhằm cung cấp thông tin về tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu một cách chính xác và kịp thời cho quản lý.

5.1. Tài khoản và sổ sách sử dụng hạch toán NVL.

Cộng ty sử dụng TK 152 - nguyên liệu, vật liệu

TK 1521 - nguyên vật liệu chính

TK 1522 - nguyên vật liệu phụ

TK 1523 - nhiên liệu

TK 1524 - phụ tùng thay thế

TK 1525 - vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản

TK 1526 - phế liệu

TK 1527 - vật tư khác

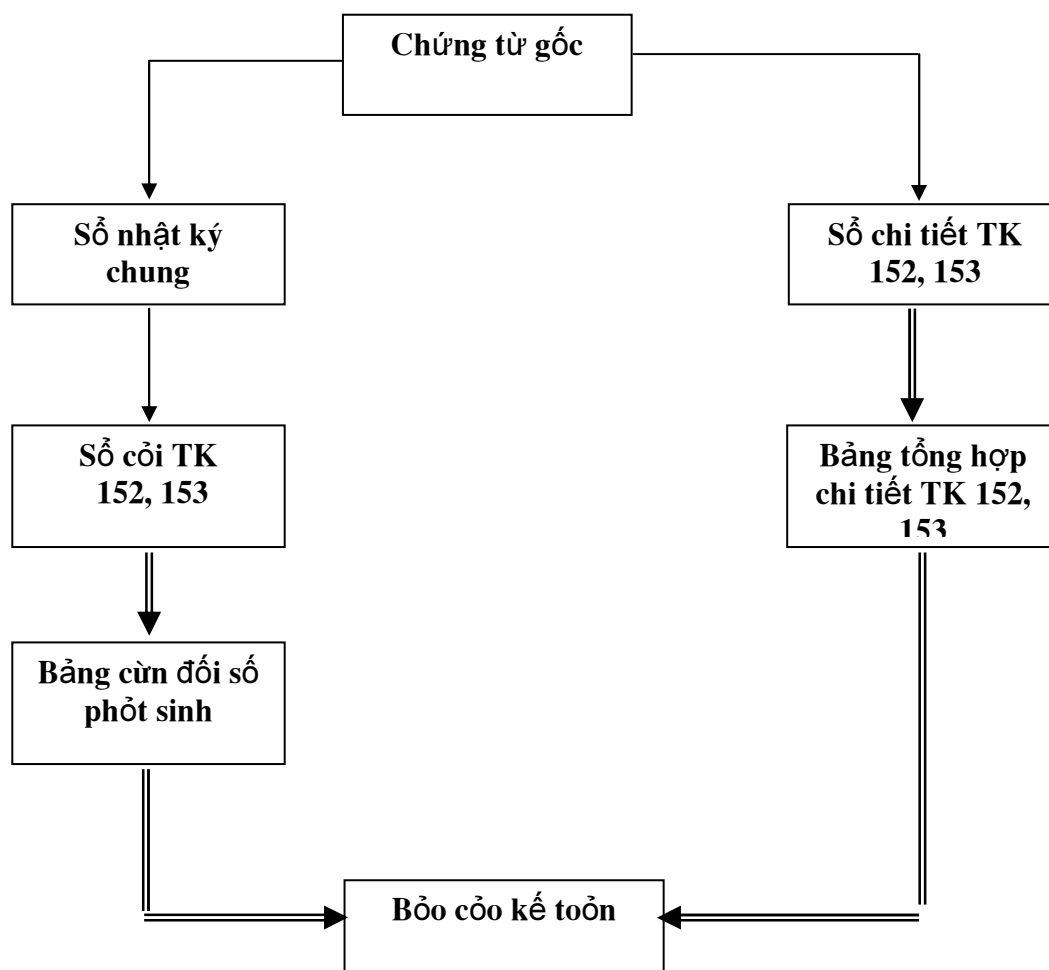
TK 153 - dụng cụ dụng cụ

TK 1531 - vật tư phụ tùng

TK 1532 - vật liệu rẻ tiền mau hỏng

Sổ tổng hợp được sử dụng trong cộng ty là: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 152, 153, Bảng cân đối số phát sinh. Quy trình hạch toán tổng hợp NVL được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 7: Quy trình hạch toán tổng hợp NVL.



Ghi chý:

- Ghi hàng ngày
- ↔ Quan hệ đối chiếu
- ⇒ Ghi cuối kỳ

5.2. Trỡnh tự hạch toán NVL.

5.2.1. Hạch toán nhập NVL:

Phần lớn NVL trong cụng ty được nhập là do mua ngoài. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng vật tư do phũng kế hoạch lập và định mức tiêu hao NVL do phũng kỹ thuật lập để xác định lượng NVL mua vào trong kỳ.

* Khi nhập kho NVL kế toán căn cứ vào cớ chứng từ gốc như: Hoỏ đơn GTGT, phiếu nhập kho, giấy bảo nợ của ngỏn hàng, phiếu chi... để ghi

định khoản: Ghi Nợ TK152 và ghi Có cở tài khoản liồn quan như tiền mặt (TK 111), tiền gửi (TK 112), chưa thanh toán cho khách hàng (TK 331)...

Vớ dụ 1: Trong kỳ, cụng ty mua NVL của cụng ty CP thực phẩm theo hõnh thức trả chậm của hoỏ đơn số 1055 ngày 05.03.2005 thờ được phản ỏnh như sau:

Nợ TK 152 : 128,540,000

Nợ TK 133 : 12,854,000

Cú TK 331 : 141,394,000

Vớ dụ 2: Ngày 10.03.2005, cụng ty mua 50,000 hộp băng dỏnh nhỏ của cụng ty TNHH Hà Phỏt theo húa đơn số 1711, đơn giỏ chưa cú thuế GTGT là 1,198 chi phớ vận chuyển hàng về kho là 200,000đ. Nghiệp vụ này được phản ỏnh như sau:

Nợ TK 1531 : 60,100,000

Nợ TK 133 : 6,010,000

Cú TK 111 : 66,110,000

* Trong cụng ty khụng xảy ra trường hợp: chứng từ về trước hàng cuối thõng chưa về. Cũn trường hợp hàng về trước chứng từ cuối thõng chưa về thờ rất ỏt xảy ra, nếu cú thờ đến cuối thõng chứng từ cũng sẽ được đưa về. Thực ra cụng việc này cũng khụng ảnh hưởng đến việc ghi sổ NVL là mấy vớ kế toán NVL của cụng ty chủ yếu là căn cứ vào phiếu nhập kho do phũng kế hoạch lập để làm căn cứ ghi sổ, khi nào cú phiếu nhập chuyển lòn thờ lỳc đủ kế toán mới tiến hành định khoản và ghi sổ.

* Nếu NVL của cụng ty được nhập khẩu thờ trong bỳt toán nhập mua NVL cũn phản ỏnh thờn thuế nhập khẩu của hàng nhập như sau:

Vớ dụ: Nhập khẩu Bơ theo giỏ 42,000 USD (đó thanh toán bằng chuyển khoản). Thuế suất nhập khẩu là 20%, thuế suất thuế GTGT 10%. Theo tỷ lệ giỏ thực tế 15,050 VND.

Nợ TK 152 : $(42,000 + 42,000 \times 20\%) \times 15,050 = 758,520,000$

Nợ TK 133 : 75,852,000

Cú TK 3333 : 126,420,000

Cú TK 112 : 707,952,000

* Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến

Ví dụ: Ngày 07.03.05 công ty thuê ngoài gia công chế biến cuộn bao bố cắt ngắn thành túi đựng sản phẩm. Với giá thực tế xuất của NVL để mang đi gia công là 11,255,000 đồng. Chi phí vận chuyển là 457,500 đồng. Tiền thuê gia công chế biến là 7,803,000 đồng. Sau khi gia công thu được 56,275 túi đựng, đơn giá cho mỗi túi là 346,78 đồng/túi. Kế toán sẽ ghi định khoản như sau:

$$11,255,000 + 457,500 + 7,803,000 = 19,515,500 \text{ đồng}$$

Nợ TK 152 : 19,515,500

Cú TK : 19,515,500

* Ngoài công trường hợp tăng NVL đó nều tròn, ở công ty khụng cũn trường hợp tăng nào khỏc kể cả NVL được cấp phỏt, được tài trợ hay gúp vốn liờn doanh, vốn cổ phần...

* Công ty cũng khụng được hưởng chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán từ nhà cung cấp. Do đó trong kế toán mua NVL khụng phản ỏnh công bỳt toán chiết khấu này.

* Trường hợp phản ỏnh NVL thừa, thiếu so với hoỏ đơn: Phần lớn vật tư của công ty được nhập theo đỳng hợp đồng mua bỏn. Nhưng khi xảy ra trường hợp thiếu thờ phũng kinh doanh của công ty sẽ yờu cầu nhà cung cấp sửa lại hoỏ đơn theo đỳng số hàng thực tế giao nhận và chỉ nhập số lượng thực tế. Đối với trường hợp thừa so với hoỏ đơn thờ trả lại nhà cung cấp số thừa và chỉ nhập số hàng theo đỳng hợp đồng. Sau khi đó chấp nhận lự hàng phũng kinh doanh mới tiến hành viết phiếu nhập kho là căn cứ giỳp kế toán ghi sổ.

5.2.2. Hạch toán nghiệp vụ xuất NVL.

* Đối với NVL xuất kho, cuối thờng sau khi tổng hợp được số lượng và giá trị NVL tồn đầu thờng và nhập trong thờng kế toán mới tiến hành xác định giá bởnh quỏn của từng loại NVL trong kỳ.

Như ví dụ đó trình bày trong phần tính giá NVL thờ ta có:

Đơn giá bình quân của bột mỳ loại 1 là: 4,044.55đ/kg

Đơn giá bình quân của cuộn băng dính nhỏ là 1,145.68 đ/1cuộn.

* Trong kỳ công nghiệp vụ xuất kho của NVL chủ yếu là xuất dựng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm, cho phân xưởng, cho quản lý. Ngoài ra cũng có công trường hợp xuất kho nhưng với số lượng nhỏ như: Xuất NVL thuê ngoài gia công chế biến hay xuất để bán, xuất cho sửa chữa sản phẩm.

* Khi xuất kho NVL dựng cho sản xuất thờ có sự khác nhau về phương pháp xuất giữa NVL và CCDC.

- Ở NVL khung phân chia theo giá trị NVL xuất mà tiến hành định khoản cho nghiệp vụ xuất kho NVL luận.

Ví dụ: Ngày 7 tháng 3 bột mỳ loại 1 được xuất cho Phân xưởng Bỏn 1 để sản xuất trực tiếp với số lượng xuất trong ngày là 50.326. Đơn giá bình quân là 4.404.55đ/kg. Giá trị bột mỳ loại 1 xuất kho là 203.546.023đ.

Nghiệp vụ tròn có thể ghi định khoản như sau:

Nợ TK 6211: 203.546.023

Có TK 152: 203.546.023

- Ở CCDC việc hạch toán CCDC xuất cũng phải xét giá trị của NVL xuất dựng.

Nếu CCDC xuất dựng có giá trị nhỏ thờ khi sử dụng được hạch toán như xuất dựng NVL.

Ví dụ: Nghiệp vụ xuất kho băng dính nhỏ phục vụ sản xuất bỏn kem xốp 150 g được hạch toán như sau:

Nợ TK6212: 9.000

Có TK 1531: 9.000

Nếu CCDC xuất dựng có giá trị lớn sử dụng cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh thờ phải phân bổ dần vào chi phí của công đối tượng khác. Có thể phân bổ thành hai lần, ba lần tùy theo giá trị của CCDC.

Nhưng đối với Công ty thời việc hạch toán CCDC xuất dựng chủ yếu là trường hợp phõn bổ 1 lần.

* Trong trường hợp xuất kho vật tư để bõn thời cũng định khoản như trường hợp bõn sản phẩm bõnh thường.

Vớ dụ: Trong thõng 3 cụng ty bõn 300Kg đường trắng cho Đại lý Hải An, giỏ vốn của lụ hàng là 4.035,26 đ/1kg, giỏ bõn là 5.125,25 đ/kg. Nghiệp vụ này được kế toán phản ỏnh như sau:

a) Nợ TK 632: 1.211.000

Cú TK 152: 1.211.000

b) Nợ TK 111: 1.692.000

Cú TK 511: 1.538.000

Cú TK 3331: 154.000

* Trường hợp xuất vật tư để gia cụng chế biến thời cả NVL và CCDC đều được hạch toán giống nhau.

Vớ dụ: Ngày 07/03/2005, Công ty thuê ngoài gia cụng chế biến cuộn bao bõ cắt ngắn thành tỳ dựng sản phẩm. Với giỏ thực tế xuất NVL để mang đi gia cụng là 11.255.000 đồng. Kế toán sẽ phản ỏnh như sau:

Nợ TK 154: 11.255.000

Cú TK 152: 11.255.000

* Trường hợp xuất vật tư cho sửa chữa thường xuyên được hạch toán cụ thể như sau:

Vớ dụ: Xuất 300Kg thõp cho sửa chữa phõn xưởng ngày 08 thõng 3 với tổng giỏ trị vật tư xuất là 1.025.000đ. Nghiệp vụ này được khẳng định theo định khoản như sau:

Nợ TK 627: 1.025.000

Cú TK 1527: 1.025.000

* Ở Công ty khụng cú cõc trường hợp xuất NVL để gúp vốn tham gia liờn doanh, vốn cổ phần, xuất để cho thuê.

* Bao dỡ trong Cụng ty đợc tónh vào giỏ thành của sản phẩm chứ khụng hạch toỏn giỏ rờng. Do đó trường hợp xuất bao dỡ cho sản xuất sản phẩm cũng hạch toỏn như xuất NVL bõnh thường.

6. Hạch toỏn nghiệp vụ kiểm kờ NVL

Tại cụng ty thờ cụng việc kiểm kờ NVL chủ yếu là do cỏc xởng tự kiểm tra. Thời gian kiểm tra cũng khụng cố định mà tuỳ theo yêu cầu của từng phõn xởng. Mục đớch của việc kiểm kờ vật tư là nhằm xỏc định một cỏch chớnh xỏc số lượng và giỏ trị của từng loại vật tư ở trong kho của cụng ty. Ngoài ra cụng tởc kiểm kờ vật tư cũn cú mục đớch đụn đốc và kiểm tra tởnh hõnh bảo quản, phỏt hiện và xử lý cỏc hao hụt, hỏng, mất... cỏc vật tư tại cỏc kho. Qua cụng tởc này sẽ nõng cao ý thức trỏch nhiệm của từng người trong việc bảo quản, sử dụng vật tư cũng như việc quản lý NVL, CCDC phải cú nề nếp.

Thụng thường trước khi tiến hành kiểm kờ phải xỏc định đợc lượng NVL tồn kho ở thời điểm kiểm kờ trờn sổ sỏch. Đồng thời tiến hành kiểm kờ số vật tư cũn lại trong cỏc kho. Kết quả kiểm kờ sẽ đợc ghi vào Bờn bản kiểm kờ vật tư. Trong bờn bản này sẽ ghi rừ từng loại vật tư đợc kiểm kờ về số lượng, đơn giỏ, lượng tồn thực tế và trờn sổ sỏch cũng như mức chờnh lệch giữa sổ sỏch và thực tế. Căn cứ vào kết quả kiểm kờ để xỏc định cỏc nguyên nhõn thừa thiếu của NVL từ đõy đưa ra cỏc biệ phỏp xử lý thớch hợp.

Vật tư của cụng ty thiếu, thừa cú thể do nhiều nguyên nhõn nhưng nguyên nhõn chủ yếu là do việc bảo quản chưa thật đỳng theo qui định. Vỡ vậy khi phỏt hiện số vật tư chờnh lệch so với sổ sỏch thường thờ sẽ tiến hành tởm hiếu nguyên nhõn và xử lý.

Trường hợp thiếu vật tư: Nếu là nguyên nhõn khỏch quan thờ đợc hạch toỏn vào chi phớ. Kế toỏn ghi Nợ tài khoản chi phớ và ghi Cú tài khoản NVL, CCDC. Nếu việc thiếu hụt này là do nguyên nhõn chủ quan thờ yêu cầu cỏ nhõn đó phải bồi thường cho doanh nghiệp.

Trường hợp vật tư thừa trong kiểm kê: Sau khi tóm hiểu gốc nguyên nhân của việc thừa NVL, CCDC kế toán sẽ tiến hành hạch toán. Thường thì kế toán sẽ ghi giảm chi phí. Trong một số trường hợp đặc biệt thì mới hạch toán vào Nợ TK 002- Hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công sơ chế.

7. Hạch toán dự phung giảm giỏ NVL

Hàng năm vào thời điểm cuối năm kế toán cộng ty vẫn chưa tiến hành lập dự phung giảm giỏ NVL núi riêng và hàng tồn kho núi chung. Việc khụng lập dự phung cho hàng tồn kho cú nhiều nguyên nhân vớ dụ như: Lượng NVL mà Cộng ty sử dụng cho sản xuất được cung cấp bởi các khách hàng uy tín, sự biến động về giỏ cả khụng nhiều trong mấy năm trở về trước... Do đó mà bộ phận kế toán chưa thực sự chú trọng đến cộng tác này. Tuy nhiên trong những năm gần đây giỏ NVL thay đổi hàng ngày. Thêm vào đó là những biến đổi của điều kiện khách quan như: Trượt giỏ ngoại tệ, lãi vay... Trước tởnh hỡnh điều kiện chủ quan và khách quan cú nhiều chuyển biến phức tạp như thế thì việc lập dự phung giảm giỏ cho hàng tồn kho ở Cộng ty là thực sự cần thiết và sớm được triển khai.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIÊN CẾNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ VIỆC NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CẾNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

1. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Những thành tựu đạt được

Cụng ty Bỏnh kẹo Hải Chõu cú quả trởnh hõnh thành và phỏt triển trờn 30 năm. Trong quả trởnh đú Cụng ty đó gặp phải khụng ớt khú khăn, thỏch thức. Nhưng đến nay, Cụng ty đó trở thành một doanh nghiệp sản xuất cú uy tớn trờn thị trường trong và ngoài nước. Sản phẩm của Cụng ty lụn được người tiờu dựng ưa chuộng và đõnh giỏ cao cả về chất lượng, mẫu mớ và giỏ cả. Trong những năm qua tập thể Cụng ty đó khụng ngừng phấn đấu để xõy dựng Cụng ty ngày một vững mạnh hơn xứng đõng với thương hiệu "Hải Chõu chỉ cú chất lượng vàng". Để đạt được những thành tựu đú phải kể đến cụng sức lao động của cõn bộ cụng nhõn viờn toàn Cụng ty nũi chung và đặc biệt là phũng kế toỏn tài chõnh nũi riờng. Trong Cụng ty, cụng tởc kinh tế rất được chỳ trọng bởi đõy là nơi cung cấp cõc thụng tin về sản phẩm, xỏc định lỏi lỗ trong kinh doanh của Cụng ty. Nhõn chung bộ mỷ kế toỏn được tổ chức phự hợp với yờu cầu quản lý của Cụng ty là một doanh nghiệp cú quy mự lớn, địa bàn hoạt động tập chung với nhiều nghiệp vụ kinh tế phỏt sinh, đội ngũ kế toỏn của Cụng ty cú trởnh độ vững vàng. Cụng ty cũng đó thực hiện chuyờn mụn hóa lao động kế toỏn, mỗi người phự trách một phanà hành cụ thể, khụng chồng chộo đảm bảo trách nhiệm của từng người trong cụng việc và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Cụng tởc kế toỏn NVL của Cụng ty là một trong những cụng tởc quan trọng bởi chi phớ về NVL thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phớ. Do đú Cụng ty rất chỳ trọng đến cụng tởc kế toỏn NVL và điều đú được thể hiện ở một số ưu điểm sau:

Thứ nhất: Trong cùng tổ quản lý NVL Cùng ty đó có nhiều chủ trọng từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng.

* Đối với cùng tổ thu mua: Cùng ty có một đội ngũ công bộ thu mua tương đối linh hoạt, am hiểu về chất lượng và thị trường nên việc thu mua NVL tương đối ổn định. Bên cạnh đó Cùng ty thường xuyên ký hợp đồng với công nhà cung cấp có mặt hàng tốt, chất lượng cao, giá cả phù hợp, luôn đảm bảo đúng, đủ về số lượng cũng như quy cách phẩm chất của NVL, giao hàng đúng hạn và kịp thời để Cùng ty có thể sử dụng cho nhu cầu sản xuất sản phẩm được tiến hành liên tục.

* Đối với cùng tổ dự trữ, bảo quản Cùng ty có một hệ thống kho được tổ chức một cách khoa học bảo quản hợp lý theo tính năng công dụng cũng như yêu cầu bảo quản của từng NVL phù hợp với tính chất lý hóa của từng loại vật tư. Bên cạnh đó Cùng ty đã xây dựng được định mức dự trữ NVL tối đa và tối thiểu để phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành liên tục. Ngoài ra với đội ngũ quản lý kho có tinh thần trách nhiệm cao cũng như trình độ chuyên môn cao nên việc quản lý NVL được thực hiện khá nề nếp, bảo đảm vật tư được quản lý chặt chẽ, tránh được tình trạng thất thoát vật tư gây thiệt hại cho Cùng ty.

* Đối với cùng tổ sử dụng: Cùng ty đã xây dựng được hệ thống định mức tiêu hao NVL cho từng sản phẩm tương đối chính xác. Thông qua hệ thống định mức tiêu hao vật liệu công cụ dụng cụ, NVL sẽ được xuất kho sử dụng đúng mục đích, tránh thất thoát, lãng phí. Ví dụ như trong quá trình sản xuất công loại bình, người tổ trưởng đã tổ chức thu gom ngay NVL cũ thừa sau khi cắt khuôn, đồng thời loại bỏ những chiếc bình bị vỡ, bị hỏng giao cho bộ phận đánh trộn bột chế biến để tái chế nhằm đưa vào sản xuất. Việc làm này vừa tiết kiệm về NVL vừa giảm thiểu được sự vận chuyển đến nơi sản xuất....

Thứ hai: Về phương pháp hạch toán tổng hợp NVL được áp dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTXX), với phương pháp này thì NVL

được quản lý chặt chẽ khựng chỉ theo dưi số tồn mà cũn theo dưi tởnh hỡnh biến động tăng giảm của vật tư nhằm cung cấp thụng tin một cỏch thường xuyờn, kíp thời.

Sổ kế toỏn tổng hợp mà Cụng ty ỏp dụng là hỡnh thức Nhật ký chung đõy là hỡnh thức ghi sổ đơn giản phự hợp với doanh nghiệp và đặc biệt cú nhiều thuận lợi khi sử dụng mỷ tớn trong xử lý thụng tin kế toỏn tròn sổ.

Về hạch toỏn chi tiết NVL theo dưi tởnh hỡnh nhập xuất tồn theo phương phỏp thẻ song song cú ưu điểm rất đơn giản trong khõu ghi chỏp, đối chiếu số liệu và phỏt hiện sai sút, đồng thời cung cấp thụng tin nhập xuất tồn kho của từng danh điểm NVL kíp thời chớnh xỏc.

Thứ ba: Về việc phõn loại NVL Cụng ty dựa vào bộ chữ số để đõnh kớ hiệu mó vật tư cho cỏc danh điểm NVL một cỏch cú trỡnh tự. Việc phõn loại này rất thuận tiện cho việc quản lý và hạch toỏn chi tiết NVL.

Về phương phỏp tớn giỏ của hàng xuất kho NVL theo phương phỏp BQGQ cơ ưu điểm là phự hợp với doanh nghiệp cú số lần nhập xuất NVL nhiều do đủ giảm nhẹ được việc hạch toỏn chi tiết NVL khựng phự thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm NVL.

Thứ tư: Về phương phỏp hạch toỏn cỏc trường hợp tăng, giảm NVL kế toỏn Cụng ty tiến hành rất cơ bản phự hợp với chế độ kế toỏn đó ban hành của Bộ tài chớnh. Định khoản và lờn sổ sỏch kế toỏn theo đỳng trỡnh tự, đầy đủ đảm bảo cung cấp thụng tin số liệu kíp thời, chớnh xỏc cho ban lónh đạo cụng ty và cho việc quản lý NVL tại Cụng ty.

Thứ năm: Cụng ty đó cú hệ thống mỷ vi tớn nổi mạng đỏp ứng nhu cầu thụng tin cho quản lý cũng như cho cụng tỏc kế toỏn trong Cụng ty. Với chương trỡnh mỷ tớn được viết rừiờng, phự hợp với cụng tỏc kế toỏn của Cụng ty nờn việc hạch toỏn được tiến hành dễ dàng, thuận lợi và nhanh chớng. Mỷ tớn được sử dụng đó trở thành cụng cụ đắc lực trong cụng tỏc hạch toỏn núi chung cũng như cụng tỏc kế toỏn NVL núi rừiờng.

2. Những tồn tại và hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trong cùng tổ chức quản lý hạch toán NVL thì việc hạch toán kế toán vật tư cũng gặp phải những hạn chế và khó khăn nhất định. Do đó cần sớm khắc phục và hoàn thiện những hạn chế này nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thông tin cho cùng tổ chức quản lý. Những nhược điểm tồn tại đó là:

Thứ nhất: Việc tổ chức quản lý thu mua, dự trữ, bảo quản NVL được tiến hành rất tốt tuy nhiên cùng tổ kiểm kê NVL trong kỳ của doanh nghiệp làm chưa nghiêm. Việc tiến hành kiểm kê chưa được tổ chức theo quy mô lớn và chưa xác định đây là một tổ tương đối quan trọng trong bảo quản NVL. Nếu việc kiểm tra không được tiến hành thường xuyên và nghiêm túc sẽ dẫn đến hao hụt, hỏng hóc... làm ảnh hưởng đến tài chính của doanh nghiệp.

Thứ hai: Về phương pháp hạch toán tổng hợp NVL ở Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung nhưng lại không sử dụng sổ Nhật ký đặc biệt làm cho cùng tổ kế toán không được giảm nhẹ. Mặc dù sử dụng Nhật ký đặc biệt sẽ có nhược điểm là ghi trùng lặp giữa Nhật ký chung và Nhật ký đặc biệt nhưng nếu sử dụng cả hai loại nhật ký này sẽ có ưu điểm là những nghiệp vụ kinh tế phát sinh thường xuyên sẽ được ghi riêng thuận tiện cho việc theo dõi quản lý.

Về phương pháp hạch toán chi tiết NVL theo hình thức sổ song song có nhược điểm là chỉ sử dụng được khi doanh nghiệp có ít danh điểm NVL phương pháp này dễ ghi trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về số lượng và hiện vật.

Hiện nay ở Công ty không sử dụng bảng phân bổ NVL, việc này cũng sẽ gây khó khăn cho việc cung cấp thông tin và kiểm tra số lượng vật tư xuất cho các phân xưởng trong kỳ.

Thứ ba: Công ty chưa xây dựng được sổ danh điểm NVL. Việc đánh giá vật tư cho các danh điểm NVL chỉ theo nhóm vật tư chứ chưa dựa trên tính chất, đặc điểm của vật tư đó. Do vậy, trong cùng tổ kế toán sẽ gặp

hiều khâu khi quản lý, hạch toán các vật tư khụng được sử dụng thường xuyên.

NVL xuất kho được ỏp dụng theo phương pháp BQGQ cơ sở điểm nhưng cũng có nhược điểm là dồn cụng việc tónh giỏ vào cuối tháng sẽ ảnh hưởng đến tiến độ cõc khâu kế toán khỏc, đồng thời sử dụng phương pháp này cũng phải tiến hành tónh giỏ theo từng danh điểm NVL.

Thứ tư: Cụng ty có số lượng NVL tương đối nhiều tuy nhiên tài khoản sử dụng cho hạch toán NVL cũng chỉ mới chi tiết đến cấp hai, việc này sẽ gây khó khăn trong cụng tác và cung cấp thụng tin khi cần thiết. Vỡ khi đó chỉ biết đó là NVL chính hay phụ chứ khụng biết được cụ thể đó là vật tư nào.

Việc hạch toán thừa, thiếu nguyên vật liệu chưa thực sự đỳng theo với chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành.

Tất cả CCDC ở Cụng ty chỉ được phõn bổ theo hõnh thức phõn bổ 1 lần do đó đối với những CCDC có giỏ trị sử dụng cho nhiều kỹ kinh doanh cần được phõn bổ dần vào chi phí thờ lại khụng được phõn bổ.

Thứ năm: Việc lập dự phõng giảm giỏ hàng tồn kho là rất cần thiết và quan trọng thờ nay chưa được ỏp dụng tại Cụng ty.

II. SỰ CẦN THIẾT VÀ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NVL

Cõc thụng tin kế toán là thụng tin rất quan trọng và cần thiết cho cụng tác quản lý hiện nay, nhất là trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Trong điều kiện cạnh tranh để tõm chỗ đứng trờn thị trường, cõc doanh nghiệp cần phải có thụng tin thật chính xác về tõnh hõnh tài chính của mõnh để có thể đề ra những biện pháp thích hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mõnh. Do đó đũi hỏi kế toán trong doanh nghiệp núi chung và về kế toán NVL núi riêng cần phải hoàn thiện để đáp ứng mọi nhu cầu cao trong quản lý.

Hoàn thiện cụng tác kế toán NVL khụng phải là làm bất cứ thay đổi gỡ chỉ để phõ hợp với điều kiện doanh nghiệp mõnh phải dựa trờn những nguyên tắc sau;

Việc hoàn thiện cùng tổ chức kế toán phải tuân thủ chế độ tài chính kế toán hiện hành, các văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan, đồng thời tiến tới hòa nhập với các thông lệ chung và chuẩn mực kế toán quốc tế.

Hoàn thiện cũng phải phù hợp với đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty. Vận dụng sáng tạo chế độ kế toán tài chính vào cùng tổ chức kế toán NVL nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu năng của cùng tổ chức kế toán.

Hoàn thiện kế toán phải đặt mối quan hệ chi phí bỏ ra và lợi ích đạt được bởi với mục đích của hoàn thiện là nhằm nâng cao hiệu quả của cùng tổ chức kế toán NVL, từ đó góp phần vào cùng tổ chức kế toán kinh tế vĩ mô chung của doanh nghiệp được thuận lợi.

Hoàn thiện kế toán là nhằm hướng tới làm tốt hơn vai trò cung cấp thông tin cho cấp quản trị trong doanh nghiệp và những người quan tâm được biết về tình hình tài chính của Công ty.

Để có thể đáp ứng được các yêu cầu hoàn thiện đưa ra thì kế toán NVL phải tiến hành hoàn thiện trên các mặt theo phương hướng cụ thể sau

Trước hết, hoàn thiện kế toán thì phải cung cấp kịp thời, chính xác thông tin chi tiết về tình hình nhập xuất tồn kho NVL cụ thể theo từng danh điểm. Từ đó có thể báo cáo với cấp quản trị thông tin về vật tư trong mọi thời điểm.

Cần củng cố và tăng cường vai trò cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình nhập xuất tồn kho của vật tư từ các sổ kế toán tổng hợp của Công ty.

Phản ánh giá trị của NVL một cách xác thực hơn phù hợp hơn với giá cả của NVL tại thời điểm sử dụng.

Phản ánh đúng nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, tạo điều kiện cung cấp chính xác trong hạch toán kế toán.

III. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU.

Qua những tìm hiểu trên đây về cùng tổ chức kế toán NVL tại Công ty Cổ phần Bông kẹo Hải Châu đó cho ta thấy những ưu điểm và nhược điểm trong

việc tổ chức hạch toán kế toán phần hành này. Để nâng cao chất lượng và nhằm hoàn thiện hơn trong cùng tổ chức NVL em xin được đề xuất một số ý kiến sau:

1. Về bảo quản và dự trữ nguyên vật liệu và dụng cụ dụng cụ

Cùng tổ chức này ở Cùng ty nhón chung là đó được quan tâm nhưng chưa đủ, cùng việc kiểm kê NVL trong các kho khụng thường xuyên và khụng có kế hoạch chung cho tất cả các phân xưởng. Do đó, cần phải có ban kiểm nghiệm vật tư cho các vật tư đó được nhập kho và xuất kho trong kỳ. Ban kiểm nghiệm này sẽ tiến hành kiểm tra định kỳ có thể là tháng hoặc quý cho tất cả các phân xưởng trong Cùng ty. Qua kiểm tra sẽ sớm tìm ra các nguyên nhân thiếu hụt hỏng hóc vật tư để kịp thời có các biện pháp xử lý. Việc làm này là rất cần thiết vì nó sẽ tránh được tình trạng thiếu hụt của NVL, nhằm nâng cao trách nhiệm bảo quản vật liệu của các thủ kho, luôn giữ được lượng NVL ổn định và chất lượng tốt nhất phục vụ cho nhu cầu sản xuất của phân xưởng.

2. Về cùng tổ chức quản lý và hạch toán chi tiết NVL

* Lượng NVL của Cùng ty có số lượng lớn, có tính năng sử dụng khác nhau, do đó cùng tổ chức quản lý gặp rất nhiều khó khăn. Thêm vào đó, Cùng ty lại khụng sử dụng sổ danh điểm NVL nên khó khăn này càng tăng thêm. Các NVL của Cùng ty được quản lý theo mô vật tư nhưng theo những chữ số mà khụng dựa vào đặc điểm của vật tư nên rất khó nhận biết, đặc biệt là những vật tư ít được nhắc đến thì khi nhón mô vật tư sẽ khụng hiểu được là vật tư gì và tính năng như thế nào.

Để có thể phục vụ tốt hơn cho yêu cầu quản lý tránh nhầm lẫn trong việc đối chiếu giữa thủ kho và kế toán về tình hình nhập - xuất - tồn kho NVL Cùng ty nên xây dựng sổ danh điểm NVL Sổ danh điểm này sẽ thống nhất tên gọi, mô hiệu, quy cách phẩm chất, đơn vị tính... cho tất cả các bộ phận sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý và hạch toán, tránh nhầm lẫn nâng cao hiệu quả làm việc.

Sổ danh điểm được lập và sử dụng ở bốn nơi như: Phũng kinh doanh, Kho Phũng Tài vụ và cở phởn xưởng. Sổ này phải thường xuyên được cập nhật khi cú cở loại NVL mới, đồng thời cở bộ phận sử dụng phải đối chiếu với nhau để đảm bảo tởnh thống nhất.

KẾT LUẬN

Từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường thì nhu cầu về số lượng cũng như chất lượng NVL trong các doanh nghiệp đa dạng và phong phú hơn nhiều, cũng được đầu tư, đổi mới cho thích hợp với việc sản xuất ra những thứ mà thị trường cần, đồng thời đáp ứng nhu cầu kinh doanh đa ngành và nâng cao chất lượng quản lý trong mọi trường hợp doanh nghiệp. Do đó, việc quản lý, sử dụng và hạch toán NVL trong Công ty cũng đặt ra những yêu cầu mới. Nhận thấy tầm quan trọng của công tác hạch toán phần hành này của công bộ công nhân viên Công ty bình kẹo Hải Châu đó không ngừng cố gắng, nỗ lực xây dựng hệ thống kế toán hoàn chỉnh hơn, phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty.

Sau thời gian thực tập tại Công ty em cũng đã được tiếp xúc với công tác kế toán NVL và đó cũng là hiểu thực trạng về phần hành kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Em thấy được những ưu điểm, những hạn chế cần khắc phục. Trên cơ sở phân tích thực tế và vận dụng lý luận công tác kế toán nói chung và kế toán NVL nói riêng, có thể thấy rằng Công ty có nhiều sáng tạo cho phù hợp với tình hình thực tế của mình, khâu quản lý vật tư được thực hiện một cách nghiêm ngặt, định mức vật tư cũng được xây dựng khá chính xác, vì vậy mà vật liệu tại Công ty, em xin được góp vài ý kiến đã được trình bày như trên. Tuy nhiên, do trình độ hiểu biết của em còn có hạn nên bài viết của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong được sự giúp đỡ của thầy cô.

Nội dung Quảng cáo

Nội dung chương trình dạy kế toán thực hành của Tadiethu

STT	Tên khóa học	Nội dung	Học Phí	Kết quả
01	Học Kế toán online – Tổng hợp các loại hình kế toán (TM, DV, DL)	Bộ chứng từ 1 tháng	Miễn phí	Thành thạo các công đoạn kế toán .Tổng hợp chứng từ, định khoản, lên báo cáo tài chính Thành thạo phần mềm kế toán cho loại hình doanh nghiệp,
02	Các vị trí kế toán thuộc	Bộ chứng	100.000	

	kê thống kê toán (từ kê toán quản trị)	từ 1 tháng	Đồng	thông thạo kê khai thuế
03	Kế toán doanh nghiệp Thương mại	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
04	Kế toán doanh nghiệp dịch vụ	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
05	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
06	Tổng hợp cả ba loại hình trên	Bộ chứng từ 3 tháng	500.000 Đồng	

1.2 Nội dung khóa học

Lập chứng từ và quản lý chứng từ:

- Lập chứng từ kế toán
- Phân loại chứng chứng từ kế toán
- Lưu chứng từ kế toán
- Thực hiện các nghiệp vụ phiếu kế toán cuối kỳ
- Các nghiệp vụ hành chính bắt buộc ví dụ : Bảo hiểm, văn thư ..

Thực hành ghi sổ kế toán:

Sổ tổng hợp:

- Sổ nhật ký (Nhật ký chung)
- Sổ cái (các tài khoản)

Sổ chi tiết:

- Sổ quỹ tiền mặt tiền gửi (111; 112)
- Sổ chi tiết công nợ và tổng hợp công nợ (TK131;331...)
- Sổ chi tiết hàng tồn kho, tổng hợp N - X – T(TK152;156)
- Sổ chi tiết doanh thu bán hàng, tổng hợp doanh thu bán hàng (TK 511...).
- Bảng tập hợp chi phí và tính giá thành (TK154;621;622;627)
- Bảng theo dõi phân bổ công cụ dụng cụ (TK 153; 242...)
- Bảng theo dõi khấu hao tài sản cố định (TK 211;214...)

Lên Bảng cân đối phát sinh

- Từ số liệu của sổ chi tiết tổng hợp và lên bảng cân đối phát sinh

Lên Báo Cáo Tài Chính

- Lên bảng lưu chuyển tiền tệ

- Bảng cân đối kế toán
- Thuyết minh tài chính

Liên hệ số 0936838448

hoặc mail dttdiepthu@gmail.com